

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

CAO THỊ HUÊ

**VẤN ĐỀ VÔ THỨC TRONG PHÂN TÂM HỌC
CỦA FREUD VÀ Ý NGHĨA CỦA NÓ**

Chuyên ngành: Triết học

Mã số: 60 22 80

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. NGUYỄN TIẾN DŨNG

**2013 | PDF | 93 Pages
buihuhanh@gmail.com**

Đà Nẵng - Năm 2013

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.

Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình khoa học nào khác.

Tác giả luận văn

Cao Thị Huê

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu.	3
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	3
4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu.	3
5. Bố cục của đề tài.	4
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài.....	4
7. Tổng quan tình hình nghiên cứu.	4
CHƯƠNG 1. QUAN NIỆM CỦA S. FREUD VỀ VÔ THỨC	8
1.1. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUAN ĐIỂM CỦA S. FREUD VỀ VÔ THỨC	8
1.1.1. Tiền đề khoa học 8	
1.1.2. Nhân tố kinh tế - xã hội và nghề nghiệp..... 10	
1.2. NỘI DUNG QUAN ĐIỂM CỦA S. FREUD VỀ VÔ THỨC. 14	
1.2.1. Vấn đề vô thức trước S. Freud. 14	
1.2.2. Cái nhìn của S. Freud về vô thức trong kết cấu đời sống tinh thần. 16	
1.2.3. Những đóng góp và hạn chế của phân tâm học. 35	
TIÊU KẾT CHƯƠNG 1 44	
CHƯƠNG 2. Ý NGHĨA CỦA QUAN ĐIỂM S. FREUD VỀ VÔ THỨC 46	
2.1. VÔ THỨC – NHỮNG GỢI Ý VỀ MẶT KHOA HỌC..... 46	
2.2. VÔ THỨC – NHỮNG GỢI Ý VỀ CÁI NHÌN MỚI TRONG GIÁO DỤC VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC..... 57	
2.3. VÔ THỨC - NHỮNG GỢI Ý KHOA HỌC CHO VIỆC GIÁO DỤC GIỚI TÍNH HIỆN NAY..... 64	

TIÊU KẾT CHƯƠNG 2.....	81
KẾT LUẬN.....	82
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	85
QUYẾT ĐỊNH GIAO ĐỀ TÀI LUẬN VĂN THẠC SĨ (BẢN SAO) .	

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Chủ nghĩa S. Freud cùng với chủ nghĩa Marx và thuyết tương đối của Einstein là ba phát minh lớn của thế giới. Chủ nghĩa S. Freud được hình thành vào đầu thế kỷ XX, là một trong những trường phái lớn của chủ nghĩa nhân bản phi duy lý mà người sáng lập là một nhà bệnh học tinh thần, nhà tâm lý học S. Freud. Hệ thống lý thuyết và phương pháp của S. Freud có ý nghĩa thế giới quan và nhân sinh quan triết học. Nó đã ảnh hưởng lớn đến các trường phái của chủ nghĩa nhân bản triết học phương tây hiện đại, cũng như đời sống tinh thần của nhân loại, nhất là ở khu vực Âu – Mỹ mà Fragon trong cuốn “*Văn hóa thế kỷ XX*” của nhà xuất bản Chính trị Quốc gia đã ghi “Tới mức nó trở thành một bộ phận cấu thành thiết yếu của nền văn hóa thế kỷ XX”.

Phân tâm học từ khi ra đời đã có nhiều ý kiến khác nhau gây nhiều tranh cãi, đã có những người hoan nghênh ủng hộ S. Freud, nhưng cũng có rất nhiều người chưa bao giờ đọc những gì được S. Freud viết và công bố về lý thuyết của mình cũng đã ra sức chống lại S. Freud thậm chí đã viết thành những bài báo, tập sách để chống lại lý thuyết của S. Freud.

Đặc biệt khi S. Freud qua đời thì một số người nhân cơ hội này đã nhân danh chủ nghĩa S. Freud hay nhân danh chủ nghĩa S. Freud mới đã đưa ra những quan điểm xa lạ, thậm chí trái ngược với chủ nghĩa S. Freud. Điều này đã gây nên những sự ngộ nhận về chủ nghĩa S. Freud, làm tổn hại đến sự lành mạnh trong sáng vốn có của chủ nghĩa S. Freud. Trong đó có những phong trào, trào lưu làm ra vẻ rất tiến bộ, cách mạng, có sức lôi cuốn tới nhiều người, nhất là đối với thế hệ trẻ như: “*Tự do tình dục*”, “*Giải phóng tình dục*”, “*Cách mạng tình dục*” và các phong trào tương tự khác được đưa ra.

Nhưng thực chất thì chỉ là những trào lưu khác xa với học thuyết S. Freud, mà ở đây nó đã xuyên tạc chủ nghĩa S. Freud một cách lệch lạc, biến những tư tưởng trong sáng của học thuyết S. Freud thành những ý tưởng của những người chống lại S. Freud.

Tuy học thuyết S. Freud đã bị không ít người chống đối một cách mạnh mẽ như vậy, nhưng cho đến nay thì nhiều luận điểm, quan điểm của S. Freud vẫn còn nguyên giá trị của nó mà chúng ta cần phải làm sáng tỏ hơn. Như S. Freud đã từng nói: Công trình của tôi đang ở đằng sau tôi, trong nghiên cứu không bao giờ tránh khỏi sự nghi ngờ, nhưng chắc chắn tôi chưa đào lên khỏi quá một mẫu của sự thật.

Chủ nghĩa S. Freud được truyền vào Việt Nam từ những thập niên đầu của thế kỷ XX với tư cách là một trào lưu tư tưởng triết học về con người, đề cao bản năng dục vọng mà Mỹ đã lợi dụng với tư cách là sự tự do vô chính phủ để gieo rắc vào tinh thần người Việt Nam. Từ đó chủ nghĩa S. Freud đã được nhiều người Việt Nam đón nhận, đã được phổ biến rộng rãi, nhưng dấu ấn mà nó để lại thường chỉ là những tư tưởng cực đoan theo hai chiều, một là ca ngợi một cách tuyệt vời hoặc phủ nhận một cách sạch trơn, hai là cho rằng chủ nghĩa S. Freud chỉ là những vấn đề vô thức, tính dục, bản năng,... Họ đã phủ nhận tinh thần trong sáng, tự nhiên, những gì tốt đẹp của chủ nghĩa S. Freud. Vì thế chúng ta phải làm sao cho việc thống nhất về mặt lý luận của chủ nghĩa S. Freud được thực hiện.

Từ điều kiện thực tiễn nghiên cứu triết học phương Tây hiện đại ở nước ta nói chung và tư tưởng triết học của chủ nghĩa S. Freud nói riêng hiện nay, cũng như từ đó để rút ra ý nghĩa thực tiễn. Chúng ta thấy ý nghĩa của việc nghiên cứu chủ nghĩa S. Freud. Sau nghị quyết 01 của Bộ chính trị 28 - 03 - 1992 về nghiên cứu các quan điểm ngoài Mác xít để hiểu biết rộng rãi về

kho tàng tri thức của loài người đối với cán bộ giảng dạy triết học cũng như đối với những ai quan tâm.

Từ tình hình trên cho thấy việc nghiên cứu “*Vấn đề vô thức trong phân tâm của S. Freud và ý nghĩa của nó*” có một ý nghĩa thực tiễn và lý luận sâu sắc.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu.

* **Mục tiêu:** Làm rõ quan niệm của S. Freud về vấn đề vô thức. Từ đó chỉ ra những điểm hợp lý có khả năng vận dụng vào công tác giáo dục cũng như vấn đề giáo dục giới tính hiện nay.

*** Nhiệm vụ:**

- Trình bày một cách có hệ thống quan niệm của S. Freud về vấn đề vô thức.

- Chỉ ra những đóng góp, hạn chế của quan điểm trên.

- Từ đó chỉ ra những điểm hợp lý có khả năng vận dụng vào công tác giáo dục cũng như vấn đề giáo dục giới tính cho thanh thiếu niên hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.

Học thuyết của S. Freud có ảnh hưởng sâu rộng đến nhiều mặt của đời sống văn hoá xã hội với các công trình nghiên cứu của nhiều tác giả. Để có thể nghiên cứu một cách toàn diện, cần có thời gian và công sức của nhiều người ở nhiều lĩnh vực. Trong giới hạn cho phép của một luận văn, tác giả chỉ tập trung nghiên cứu quan điểm của S. Freud về vấn đề vô thức.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu.

Cơ sở lý luận của đề tài là: Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê nin tâm lý và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về giáo dục, giáo dục giới tính cho thế hệ trẻ trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội.

Từ phương pháp nghiên cứu của luận văn là phương pháp biện chứng duy vật trong đó sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu như: phương pháp logic và lịch sử, phương pháp phân tích tổng hợp, phương pháp so sánh đối chiếu, phương pháp điều tra xã hội học, phương pháp phỏng vấn...

5. Bố cục của đề tài.

Trong giới hạn một luận văn triết học ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm 2 chương trong đó có 5 tiết:

Chương 1: Quan niệm của S. Freud về vô thức

- 1.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến quan niệm của S. Freud về vô thức.
- 1.2. Nội dung quan điểm của S. Freud về vô thức.

Chương 2: Ý nghĩa của quan điểm S. Freud về vô thức.

- 2.1. Vô thức – những gợi ý về mặt khoa học.
- 2.2. Vô thức – những gợi ý về cái nhìn mới trong giáo dục và phát triển giáo dục.
- 2.3. Vô thức – những gợi ý khoa học cho việc giáo dục giới tính hiện nay.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài.

Góp phần làm rõ những luận điểm về vô thức trong quan điểm của S. Freud cũng như ý nghĩa của nó đối với khoa học, với công tác giáo dục và vấn đề giáo dục giới tính cho thanh thiếu niên hiện nay.

Luận văn có thể làm tài liệu tham khảo cho việc giảng dạy Triết học, Tâm lý học ở bậc Đại học, Cao đẳng và những người quan tâm đến vấn đề này.

7. Tổng quan tình hình nghiên cứu.

Mặc dù được hình thành gần một thế kỷ song Phân tâm học du nhập vào Việt Nam tương đối muộn. Trước năm 1975, Phân tâm học chủ yếu được chuyển tải vào Việt Nam dưới dạng dịch thuật và phê bình nghiên cứu như:

Vũ Đình Lưu với *Hành trình vào Phân tâm học*, Nxb Hoàng Đông Phương, Sài Gòn, 1968; và *Phân tích tâm lý học áp dụng vào việc nghiên cứu các ngành học vấn*, Nxb Tổ hợp Gió, Sài Gòn, 1969; Tuệ Sĩ với *Tâm thức luyện ái*, Nxb Ca Dao, Sài Gòn, 1969; Thụ Nhân với *Phân tâm học về tính dục*, Nxb Nhị Nùng, Sài Gòn, 1970 và *Phân tâm học về tình yêu*, Nxb Nhị Nùng, Sài Gòn, 1970; Lê Tôn Nghiêm với *Những vấn đề triết học phương Tây hiện đại*, Nxb Ra Khơi, Sài Gòn, 1971; Lê Thanh Hoàng Dân với *Phân tâm học*, Nxb Trẻ, Sài Gòn, 1972...

Sau khi đất nước thống nhất, việc nghiên cứu các trào lưu tư tưởng phương Tây được chú trọng. Những nhà nghiên cứu đi đầu trong lĩnh vực này là: Phạm Minh Lăng với *Mấy trào lưu triết học phương Tây*, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, HN, 1984; Vũ Khiêu, Phong Hiền, Bùi Đăng Duy với *Triết học tư bản phương Tây hôm nay*, Nxb Thông tin lý luận, HN, 1986. Đến những năm 90 của thế kỷ trước tiếp tục có những công trình nghiên cứu sâu hơn về các trào lưu tư tưởng phương Tây như: Tiến sỹ Nguyễn Tiến Dũng với *Chủ nghĩa hiện sinh, Lịch sử sự hiện diện ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, HN, 1999; và *Tâm lý học của những miền sâu và một vài biểu hiện của nó*, Tạp chí Nghiên cứu lý luận, Số 4, HN, 1998; Phạm Minh Lăng với *Sigmund Freud và Phân tâm học*, Nxb VHTT, HN 1998; và *Vài nét về S. Freud và Phân tâm học*, Tạp chí Triết học, số 5, HN, 1999; Lưu Phóng Đồng với *Triết học phương Tây hiện đại*, Nxb Chính trị quốc gia, HN, 1994; Bùi Đăng Duy – Nguyễn Tiến Dũng với *Lịch sử triết học (phần triết học phương tây hiện đại)*, Nxb Giáo Dục, HN, 1999; Bùi Đăng Duy – Nguyễn Tiến Dũng với *Lịch sử triết học phương Tây hiện đại*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2005; Ngụy Hữu Tâm với *Sigmund Freud và Phân tâm học*, Tạp chí Tâm lý học, số 5, HN, 2001; Đỗ Lai Thúy với *Phân tâm học và văn hóa nghệ thuật*, Nxb VHTT, HN, 2000; *Phân tâm học và văn hóa tâm linh*, Nxb VHTT,

HN, 2002; *Phân tâm học và tình yêu*, Nxb VHNT, HN, 2003... Ngoài ra các công trình của S. Freud cũng như những tác giả nước ngoài nghiên cứu về Phân tâm học được dịch thuật và giới thiệu như: David Stafford – Clark, *Freud đã thực sự nói gì?* Nxb Thế giới, HN, 1998; Stephen Wilson với *Sigmund Freud: Lịch sử phát triển nhà phân tâm học thiên tài*, Nxb Trẻ, HN, 2000; Sigmund Freud: *Phân tâm học nhập môn*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội, 2002; Sigmund Freud: *Nguồn gốc của văn hóa và tôn giáo*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội, 2002; Sigmund Freud: *Luận bàn về văn minh*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2005... Những công trình nghiên cứu trên đây đã tạo nên một bức tranh tương đối hoàn chỉnh về Phân tâm học và những tác động của nó lên muôn mặt của cuộc sống ...

Tiếp tục nghiên cứu về Phân tâm học, đã có nhiều luận văn bảo vệ thành công như: Hoàng Đức Diễn với *Chủ nghĩa Freud và biểu hiện của nó trong văn học tính dục Miền Nam Việt Nam trước 1975 (2003)*. Luận văn đã nêu lên sự ra đời, hình thành và phát triển cũng như những quan điểm cơ bản của phân tâm học từ đó chỉ ra những biểu hiện của nó trong văn học tính dục ở Miền Nam Việt Nam trước 1975; Nguyễn Thị Thùy với *Phân tâm học và giáo dục nhân cách cho thanh thiếu niên Thừa Thiên Huế hiện nay (2005)*. Luận văn cũng đã nêu lên những vấn đề cơ bản của phân tâm học và sự vận dụng của nó trong vấn đề giáo dục nhân cách cho thanh thiếu niên ở Thừa Thiên Huế; Nguyễn Thị Bích Hằng với *Chủ nghĩa Freud – Lịch sử và sự biểu hiện ở Việt Nam (2005)*. Luận văn đã nêu rõ sự hình thành và phát triển của phân tâm học cũng như sự du nhập, ảnh hưởng và biểu hiện của nó ở Việt Nam. Nguyễn Văn Quế với *Phân tâm học và sự biểu hiện của nó trong truyện tiểu lâm ở Việt Nam (2005)*. Luận văn đã nêu lên lịch sử và hình thành phân tâm học và sự biểu hiện của phân tâm học ở truyện tiểu lâm Việt Nam. Lê Quốc Anh với *“Quan điểm của Phân tâm học về Libido và một số vận dụng trong*

*giáo dục giới tính cho học sinh trung học phổ thông hiện nay” (2008). Luận văn đã nêu lên sự ra đời và phát triển của phân tâm học. Làm rõ những luận điểm về tính dục trong phân tâm học trong vấn đề giáo dục nhân cách. Nguyễn Thị Mỹ Ngọc với “*Lý luận về nhân cách của phân tâm học và một số đề xuất đối với giáo dục nhân cách cho học sinh phổ thông trung học Đồng Hới hiện nay*” (2008).*

Nhìn chung các luận văn này đã đề cập đến nhiều vấn đề khác nhau của chủ nghĩa S. Freud và phân tâm học. Tuy nhiên việc nghiên cứu quan điểm của S. Freud về vấn đề vô thức thì chưa có một công trình nghiên cứu nào trùng với đề tài của luận văn. Các công trình nghiên cứu đã được nghiên cứu trước sẽ là nguồn tài liệu quý báu để tác giả của luận văn tham khảo trong quá trình thực hiện đề tài.

CHƯƠNG 1

QUAN NIỆM CỦA S. FREUD VỀ VÔ THỨC

1.1. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUAN ĐIỂM CỦA S. FREUD VỀ VÔ THỨC.

1.1.1. Tiền đề khoa học

Khoa học cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đã phát triển như vũ bão cả về số lượng lẫn chất lượng, đã ảnh hưởng đến nhiều mặt của đời sống xã hội.

Sự xuất hiện của phân tâm học cũng được chuẩn bị bởi những thành tựu của khoa học tự nhiên. Trước hết, S. Freud thừa nhận ông xuất phát từ quan điểm sinh vật học để xem xét khuynh hướng và bản tính của con người, đây là quan điểm được Darwin nêu lên trong học thuyết tiến hóa của mình. Ông chứng minh rằng các loài đang tồn tại hiện nay là sinh ra từ các loài khác bằng con đường tự nhiên. Sự biến đổi các loài diễn ra nhờ quá trình chọn lọc tự nhiên và chọn lọc nhân tạo. Ông cũng cho rằng loài người cũng chịu ảnh hưởng tác động của các sức mạnh sinh học, đặc biệt là khả năng duy trì nòi giống và bản năng tìm kiếm thức ăn. Theo ông chính những bản năng này là nền tảng của mọi hành vi. Như vậy có thể thấy rằng, Darwin đã đề cao vai trò của tính dục trong động lực của hành vi con người, đồng thời chỉ ra ham muốn thỏa mãn tính dục và tự vệ chính là hai bản năng duy nhất trong lĩnh vực tâm lý của con người. Darwin cũng đưa ra những quan điểm như: Quan niệm về các quá trình và xung đột vô thức trong tâm lý, về vai trò của giấc mơ và biểu tượng ẩn giấu của một số triệu chứng hành vi, về ý nghĩa hưng phấn của tính dục và khía cạnh bất hợp lý của hành vi và tâm lý. Chính những tư tưởng trên sau này đã trở thành nền tảng của phân tâm học.

Người có ảnh hưởng đáng kể đến sự phát triển của học thuyết vô thức của S. Freud là G. Fexner. Giống như Harbart, ông đã sử dụng khái niệm ngưỡng. Hình ảnh tâm lý như tảng băng trôi mà G. Fexner đã nêu ảnh hưởng

mạnh đến S. Freud. G. Fexner cho rằng giống như tầng băng trôi, phần lớn hoạt động tâm lý được giấu dưới cái vỏ ý thức và chịu sự tác động của những sức mạnh không nhìn thấy được. Một số luận điểm quan trọng trong học thuyết của S. Freud như: nguyên tắc thỏa mãn, khái niệm năng lượng tâm lý, tính xâm kích... ban đầu được lấy từ những tác phẩm của G. Fexner.

Trong lý luận về xung năng vô thức, S. Freud đã sử dụng khái niệm “năng lượng và định luật bảo toàn năng lượng” của trường phái Helmholtz vào việc nghiên cứu tâm lý học. Ông đã coi toàn bộ cơ thể của con người ở đây giống như một hệ thống năng lượng cơ giới, như năng lượng điện, hóa học biểu hiện bằng các hình thức sinh lý và năng lượng tâm lý, chủ yếu là năng lượng “Libido”. Những năng lượng này không mất đi, có thể chuyển hóa cho nhau và luôn được phân phối, đầu tư vào các hành vi nhất định. Trong đó ông đã coi trọng và nhấn mạnh năng lượng tâm lý và cho rằng đây là một loại năng lượng liên hệ gắn liền với tính bản năng.

Ngoài ra tư tưởng của S. Freud còn chịu ảnh hưởng bởi thuyết đơn tử của Leibniz cho rằng: Tất cả các yếu tố cá biệt của hiện thực – đơn tử. Không phải là nguyên tử vật lý, thậm chí cũng không phải vật chất với ý nghĩa thông thường. Mỗi đơn tử là một loại thực thể tinh thần có quãng điện phi thường. Như vậy, theo quan điểm của Leibniz đơn tử là những nguyên tố đơn nhất của hiện thực. Mỗi đơn tử là một bản thể tâm lý không có độ dài. Mặc dù chúng có nguồn gốc tâm lý nhưng đồng thời chúng cũng có một số đặc tính của vật chất vật lý. Khi đủ số lượng đơn tử nhất định, chúng liên kết với nhau tạo thành những vật thể có độ dài. Ở đây có thể thấy rằng các đơn tử có tính tích cực trong các hành động tâm lý với các mức độ ý thức khác nhau: từ hầu như hoàn toàn vô thức đến ý thức một cách rõ ràng, sâu sắc. Mức độ thấp nhất của ý thức là những cảm nhận nhỏ bé, sự thực hiện ý thức của chúng có tên gọi là tổng giác.

Những quan điểm trên của Leibniz đã được Herbart phát triển thành học thuyết lý luận giới hạn ý thức. Ông cho rằng những quan điểm bị gạt xuống dưới giới hạn thường không được ý thức, gọi là vô thức. Khi những ý nghĩ đạt đến một mức độ ý thức thì nó được tổng giác. Nhưng để đạt đến mức độ ý thức thì những tư tưởng này phải được so sánh đối chiếu với những ý tưởng đã nằm trong phạm vi ý thức. Những quan niệm bị loại ra khỏi ý thức trong quá trình xung đột đó là “quan niệm bị ức chế”. Như vậy, theo Herbart những ý tưởng khác nhau thường cạnh tranh nhau, xung đột nhau để được ý thức hóa. Điều này đã được S. Freud giải thích khi đề cập tới quan hệ giữa ý thức và vô thức cá nhân. S. Freud cũng tiếp thu những đóng góp của A.Schopenhauer và F.Nietzsche về phương diện tâm lý học. Hai ông đã khẳng định rõ sự tồn tại của một thế giới vô thức trong mỗi con người, và thế giới vô thức này cũng góp mặt vào hoạt động sống của con người.

1.1.2. Nhân tố kinh tế - xã hội và nghề nghiệp.

S. Freud sinh ra và lớn lên ở Viên, thủ đô nước Áo, là một trung tâm âm nhạc, lúc này Viên là trung tâm văn hóa của Châu Âu thế kỷ XIX, XX. Thành phố Viên lúc bấy giờ thực sự là một lò lửa sục sôi những mâu thuẫn kinh tế, xã hội, chính trị và tư tưởng trí tuệ. Mâu thuẫn này thể hiện ở sự phát triển nhanh, trên quy mô lớn của khoa học, đặc biệt là khoa học tự nhiên, với những phát minh vĩ đại về thiên văn học, vật lý, toán học, tiến hóa sinh giới, triết học... với sự cổ hủ, lạc hậu của hệ tư tưởng thống trị đương thời. Chính những mâu thuẫn này đã làm nảy sinh thói đạo đức giả và nạn cùng khổ về sự ức chế tính dục. Chính điều này đã làm nảy sinh trào lưu chống lại đè nén tính dục trong xã hội khổ hạnh, biểu hiện là sự quan tâm đến đời sống tính dục trong mọi lĩnh vực của đời sống con người, kể cả khoa học. Đây là thời kỳ xuất hiện những tiểu thuyết tình yêu thắm thiết và những cuộc ngoại tình, sự bùng nổ đam mê, nạn mại dâm và những án phẩm khiêu dâm lan tràn khắp

nơi. Chính sự bùng nổ này mà đã xuất hiện hàng loạt công trình về bệnh học tính dục, về tính dục trẻ em cũng như về ảnh hưởng của những dồn nén ham muốn tính dục đến sức khỏe tinh thần và thể chất của con người như: tác phẩm: “bệnh thái nhân cách về tính dục” xuất bản năm 1886 của Craff - Ebing. Hay công trình của nhà tâm lý học người Pháp Anred Bine về sự lệch lạc tính dục.

Bên cạnh đó, xã hội Châu Âu với sự phát triển như vũ bão của khoa học công nghệ đã làm thỏa mãn những nhu cầu vật chất cho đời sống của con người, tuy nhiên nó cũng có mặt trái là hình thành lên những nỗi đau trong thân phận con người. Và có một sự thật là đời sống kinh tế càng được thỏa mãn bao nhiêu thì bệnh thần kinh càng xuất hiện nhiều. Vì vậy con người luôn tìm cách để làm giảm bớt nỗi đau của mình. Chính những điều này đã chuẩn bị cho việc nhận thức của S. Freud và cho sự ra đời của phân tâm học.

Khi nói đến các yếu tố ảnh hưởng đến sự ra đời phân tâm học của S. Freud chúng ta không thể không nói đến dấu ấn đời sống riêng thời thơ ấu. Đời tư và thơ ấu của S. Freud có nhiều sự kiện để lại dấu ấn không phai mờ và chúng đã trực tiếp góp phần vào việc hình thành phương pháp và lý luận phân tâm của ông sau này. S. Freud sinh ngày 6 - 5 - 1856 tại Freiberg, vùng Moravi (nay thuộc Cộng hòa Séc). Ông là con đầu của người vợ thứ ba một thương nhân do thái. Ông sống trong một gia đình với sự đối xử khắc nghiệt, gia trưởng của người cha vì vậy đối với cha, S. Freud đan xen hai cảm giác lo sợ và yêu mến. Nhưng ngược lại, mẹ ông là người phụ nữ xinh đẹp, dịu dàng, nhanh nhẹn và chu đáo, hết lòng yêu thương ông. Chính nỗi sợ hãi đối với cha và những ham muốn tính dục đối với mẹ là những xúc cảm mà sau này S. Freud đã đưa vào trong nội dung học thuyết của mình. Đó chính là mặc cảm “Odipe” và “Nỗi lo sợ phạt phòng” – một nỗi sợ hãi mà theo ông đó chính là “những người đau khổ vì lo sợ người khác” [47, tr. 440]. Không những thế,

khi còn nhỏ, ông đã tận mắt chứng kiến cảnh cha mình bị làm nhục giữa ban ngày trên đường phố bởi một người Công giáo. Khi 3 tuổi mẹ có mang em gái, ông bị tách khỏi mẹ, được giao cho bà vú nuôi chăm sóc và đã chứng kiến việc bà vú nuôi bị người anh cùng cha đuổi khỏi nhà vì lý do lấy cắp. Những sự kiện trên đã làm tổn thương rất lớn trong tâm hồn cậu bé S. Freud, tạo ra ám ảnh vô thức, mà mãi sau này, khi tự phân tâm, ông mới thoát ra được.

Một nhân tố nữa ảnh hưởng đến sự ra đời của phân tâm học đó chính là xuất phát từ chính thực tiễn công việc chữa bệnh mà ông đang thực hiện. S. Freud sinh ra và lớn lên ở Viên, lúc này là trung tâm văn hóa của Châu Âu thế kỷ XIX – XX. Lúc này ở Viên rất nhạy cảm với đời sống tinh thần của con người. Thời kỳ này cũng xuất hiện rất nhiều bệnh thần kinh, đây chính là lĩnh vực hoạt động chuyên môn trực tiếp của S. Freud. Ông nghiên cứu nguồn gốc và trị liệu các rối nhiễu tâm lý – lĩnh vực mà lịch sử chữa trị gặp rất nhiều sóng gió và phức tạp. Trước khi S. Freud nghiên cứu, trong đời sống nhân loại đã tồn tại bệnh tâm thần, rối loạn tâm lý, tuy nhiên quan niệm của từng giai đoạn là khác nhau. Người Lương Hà cổ đại xem những người bị rối loạn tâm thần là do bị quý ám. Vì vậy biện pháp của họ là cầu nguyện thần linh giúp đỡ bằng các phương pháp bùa chú và ma thuật. Đến thời Trung cổ, những người bị nhiễu tâm thường không được chữa trị mà chủ yếu là bị tra tấn, làm nhục và sau đó là bị hành hình vì những người này cũng được xếp vào hàng hiện thân của ma quỷ. Sang thế kỷ XVIII quan niệm về những người nhiễu tâm có bước tiến bộ hơn. Hành vi rối loạn của họ được xếp vào dạng hành vi phi lý.

Như vậy cho đến cuối thế kỷ XVIII bệnh nhiễu tâm, tâm thần vẫn chưa được nghiên cứu và hiểu theo đúng nghĩa của nó. Chỉ đến khi Philip Pinel (1745 - 1826) - một bác sĩ thần kinh người Pháp đã đi sâu vào nghiên cứu và

khẳng định rối nhiễu tâm thần là một hiện tượng tự nhiên. Để chữa trị chúng thì cần phải có phương pháp và cần đối xử với những người bệnh một cách nhân đạo. Ông cũng là người ghi lại tiền sử bệnh lí, phác đồ điều trị. Đây là giai đoạn khởi đầu cho khoa học xâm nhập vào lĩnh vực tâm lí con người dưới góc độ nghiên cứu bệnh lí.

Hai nhà khoa học đã nghiên cứu đi sâu vào bệnh nhiễu tâm và có ảnh hưởng lớn đối với S. Freud về sau này đó là J. Breuer (1842 - 1925) và M. Charcot (1825 - 1893).

Với J. Breuer, S. Freud đã học tập phương pháp giải tỏa tâm lí bằng biện pháp thôi miên. Đây là phương pháp chữa bệnh bằng cơ chế ám thị. Người thầy thuốc bằng các thủ thuật (ngôn ngữ, xoa bóp, con lắc...) để đưa người bệnh vào trạng thái ngủ không hoàn toàn. Ở trạng thái này thầy thuốc buộc bệnh nhân làm theo yêu cầu của mình. Quá trình này đã kéo được tiềm thức trở về với ý thức, làm giảm rõ rệt các triệu chứng tâm thần. Tiếp tục nghiên cứu phát triển phương pháp thôi miên, S. Freud đã xây dựng cho mình một kỹ thuật riêng nhằm khơi thông những tắc nghẽn trong tâm thức người bệnh – nguyên nhân gây bệnh. Kỹ thuật này ông gọi là kỹ thuật ép.

Với M. Charcot, S. Freud chịu ảnh hưởng của tư tưởng về sức mạnh đam mê tính dục trong các hiện tượng tâm thần. Theo ông nguyên nhân của bệnh này là đam mê tính dục trong con người không được giải tỏa. Trong quá trình làm việc và theo học ở Paris với M. Charcot, S. Freud đã cất công tìm kiếm và làm rõ hiện tượng đam mê tính dục ở con người với công trình nổi tiếng “Ba tiểu luận về tính dục”. Với công trình này, như lời giới thiệu của Jostein Gaarder trong nhập môn Phân tâm học: “S. Freud đã nâng bản năng tính dục và thèm khát nhục dục lên thành yếu tố đầu tiên và mạnh mẽ nhất trong việc tạo thành nhân cách mỗi con người và đồng thời là nguyên nhân sâu xa của mọi bệnh tâm thần”. Cũng chính trong quá trình nghiên cứu và thực nghiệm

này S. Freud đã nhận thấy sự hiện hữu của một tâm linh vô thức, sự can thiệp của vô thức vào đời sống ý thức và thấy rằng tâm linh ý thức của chúng ta có thể tạo nên nhiều lý lẽ hợp lý nhưng giả tạo và bịa đặt.

Như vậy, để xác lập được học thuyết phân tâm học, S. Freud đã chịu sự tác động của nhiều khuynh hướng đa dạng, phong phú của đời sống tinh thần nhân loại trên nhiều mặt: khoa học, triết học, sinh lí học thần kinh... Chính sự liên kết những khái niệm, những phạm trù của các mặt đời sống để nâng tầm nó lên trở thành những khía cạnh trong một luận thuyết nổi tiếng thế giới đã cho thấy tài năng của S. Freud. “Nhưng điều bí ẩn của một thiên tài là ở chỗ chỉ có ông mới có thể liên kết những ý tưởng, những ý tưởng rời rạc thành một hệ thống lí luận hoàn chỉnh” [38, tr. 222].

1.2. NỘI DUNG QUAN ĐIỂM CỦA S. FREUD VỀ VÔ THỨC.

1.2.1. Vấn đề vô thức trước S. Freud.

Trước S. Freud các nhà tâm lý thường đồng hóa đời sống tâm linh với đời sống ý thức. Họ nghĩ rằng tất cả các hiện tượng tâm linh đều ý thức. Chẳng hạn như Descartes đã đồng hóa cái “tôi” với một “vật suy tưởng”, một vật mà bản chất là suy tưởng. Như vậy tất cả những gì chúng ta gọi là vô thức đều được xếp vô đời sống sinh lý.

Bên cạnh quan điểm của Descartes chúng ta cũng có thể tìm thấy những tư tưởng về vô thức trong quan điểm của La Rochefoucauld, Leibniz ở thế kỷ XVII. La Rochefoucauld cho rằng lý do sâu xa của những hành vi của chúng ta không phải là những lý lẽ tốt đẹp mà chúng ta thường viện dẫn. Những lý lẽ tốt đẹp này thường che giấu một tính ích kỷ căn bản. “Con người thường nghĩ rằng mình tự do trong hành động trong lúc thật ra mình bó buộc phải hành động” [28, tr. 8]. Còn Leibniz cho rằng: chúng ta không biết hết được tâm linh của chúng ta, như vậy ý niệm về vô thức rất cần cho chúng ta để giải thích bản chất tâm lý của bản năng.

Vào thế kỷ XIX, triết gia Schopenhauer cho rằng: trong mỗi chúng ta có một ý chí mù quáng và ngằm, ý chí này có tính cách căn bản và xuất phát từ căn nguyên của cuộc sống. Ông cho rằng: “Trí thông minh không biết gì hết về những quyết định của ý chí” [28, tr. 8].

Cũng vào cuối thế kỷ này, triết gia Nietzsche cho rằng: những động lực thúc đẩy chúng ta không phải là những lý lẽ tốt lành mà chúng ta thường viện dẫn để giải thích những quyết định của chúng ta. Theo ông những quyết định này xuất phát từ một ý chí hùng bá, ý chí này là một ước muốn tằm tối và dữ dội muốn ngự trị người và vật. Hay quan điểm của nhà tâm lý học người Pháp Pierre Janet cho rằng: nhân cách của chúng ta có nhiều tầng mà chúng ta chỉ biết được có tầng ý thức mà thôi. Phần lớn những hành vi không đòi hỏi một sự chú ý đặc biệt đều xuất phát từ một phần tâm linh gần như là vô thức. Ông đã gọi phần này là những hình thức sơ đẳng của ý thức.

Và trong thực tế, ý niệm về vô thức rất quen thuộc đối với chúng ta, mặc dầu đôi khi chúng ta không biết tới những khám phá của S. Freud.

Chúng ta nhận thấy, ẩn núp đằng sau những biện minh đạo đức hay tôn giáo, những lý do tằm tối thoát khỏi lý trí, những động lực phi lý của hành vi con người, sự hiện diện của một bộ máy tâm linh vô thức, bộ máy này là sản phẩm của một tâm linh xưa cũ hơn, bộ máy tâm linh của bản năng, vẫn còn rất mạnh nơi trẻ con, sự hiện diện này được thể hiện trong những lúc mơ màng, được thể hiện trong những hình ảnh chập chờn của những lúc nửa thức, nửa ngủ. Trong những lúc như vậy, cuốn phim của những biểu tượng của chúng ta, nội dung của chúng, sự nối tiếp của chúng và sự vang dội tình cảm mà những hình ảnh này tạo ra nơi chúng ta, tất cả đều vượt ra ngoài sự kiểm soát của ý chí chúng ta, và mọi việc xảy ra như là ý thức của chúng ta trở thành nhân chứng của những gì xảy ra trong một tâm linh xa lạ. [28, tr. 8]

Đó là quan điểm của các nhà tâm lý học trước S. Freud về vô thức. Còn theo quan điểm truyền thống thì ý thức là hạt nhân của kết cấu tâm lý con người hay là cái làm nên kết cấu tâm lý của con người, còn vô thức chỉ là dấu lặn của tâm hồn con người, là thụ động, là cái không thể biết, là quá khứ đã bị chôn vùi không có tác dụng gì hết.

Như vậy, có thể thấy rằng S. Freud không phải là người đầu tiên đề cập một cách nghiêm túc đến vấn đề vô thức trong tâm lý người. Ngược lại, chính ông đã thừa nhận rằng các nhà khoa học và triết học trước ông đã đóng góp rất nhiều cho lĩnh vực này. Công lao lớn nhất của S. Freud chính là đã hệ thống hóa, đưa ra phương pháp nghiên cứu và cách lý giải về vô thức.

1.2.2. Cái nhìn của S. Freud về vô thức trong kết cấu đời sống tinh thần.

Trái với quan điểm truyền thống S. Freud cho rằng cái hạt nhân của kết cấu tâm lý của con người đó là vô thức. Vô thức theo S. Freud tồn tại khác với ý thức, trong khi ý thức điều chỉnh hành vi của con người một cách có chủ định, bộc lộ ra ngoài bằng lời nói, suy nghĩ việc làm có chủ đích thì vô thức ẩn giấu bên trong sâu thẳm, nó được bộc lộ ra bên ngoài do sự dồn nén lâu ngày, ngoài sự chủ định của chủ thể và chủ thể không thể kiểm soát được.

Vô thức (*cái ấy- Id*) là khối bản năng, trong đó bản năng tính dục giữ vị trí trung tâm, là một thùng năng lượng chứa đựng những khát vọng bản năng mù quáng.

Nguyên lý hoạt động của nó là thỏa mãn ngay lập tức những khát vọng bản năng. Theo S. Freud vô thức là những ham muốn hay những biểu tượng bị dồn nén, kiểm duyệt, đó là những hoạt động bản năng hoạt động theo nguyên tắc khoái cảm, tuy nhiên nó không biểu hiện trực tiếp bằng hành động thường xuyên, nhưng lại ngấm ngầm chi phối, điều khiển hành vi con người. Với những hành vi ấy con người lại không thể điều khiển bằng ý thức của

minh được. Nó xuất hiện một cách bất ngờ, ngoài dự định của chủ thể, mà người ta thường gọi là những hành vi sai lạc như sự lãng quên, nói nhịu, lỡ lời, đọc sai, viết sai, hành vi ngẫu nhiên. Vô thức chiếm một vị trí rất lớn so với ý thức, nó quyết định đời sống tinh thần của con người. S. Freud đã xem vô thức như là một phần của tầng băng, không thể thấy được, không thể cảm nhận được và phần chính tâm linh của con người được ẩn náu trong cõi vô thức ấy.

Qua nhiều thử nghiệm, S. Freud đã chứng minh được vai trò của vô thức và ông đã đi đến kết luận: có sự hiện diện của vô thức và nó can thiệp vào ý thức của chủ thể dưới hình thức phản ánh có kỳ hạn. Nguồn gốc của vô thức là những bản năng nguyên thủy mang tính sinh vật, nó sinh ra trong quá trình phát triển chủng loại.

Ngoài ra S. Freud còn khẳng định, những ước mơ thềm khát, những dục vọng không được thỏa mãn bị dồn nén, tích tụ sẽ trở thành vô thức. Vô thức được sinh ra trong quá trình dồn nén, tích tụ thềm khát, những dục vọng không được thỏa mãn ở đời sống thường nhật thì được giải tỏa trong giấc mơ. Vì vậy giấc mơ không gì khác hơn là sự biểu lộ phản ứng của những ý thức chưa được thỏa mãn. Theo S. Freud giấc mơ có ở người lớn lẫn trẻ con. Trong quá trình nghiên cứu giấc mơ, S. Freud kết luận: “có một cái gì đó đã góp phần vào những gì còn sót lại trong ngày và cái đó chính là một ham muốn mạnh mẽ nhưng bị dồn ép và chỉ có sự ham muốn này mới gây ra giấc mơ thôi” [27, tr. 271].

S. Freud cũng phân biệt sự chuyển dịch nhận thức vô thức với các hiện tượng mê tín, và những hành vi của người mắc chứng bệnh hoang tưởng. Người mắc chứng bệnh hoang tưởng thì những hành vi của họ vượt ra ngoài ý nghĩ tâm lý, họ thường gán vào những hành động của người khác theo những suy nghĩ của cá nhân.

Vậy, vô thức là bao hàm cả cái bản năng, lẫn những biến cố, mà con người đã trải qua trong quá trình sống, nhất là những ham muốn, của con người mà do nhiều nguyên nhân vẫn chưa trở thành hiện thực, trong đó nguyên nhân xã hội giữ vị trí vai trò hết sức quan trọng và gần như là vai trò quyết định. Giải thích vấn đề này S. Freud cho rằng: con người là một thực thể tồn tại của xã hội vì nhiều yếu tố pháp luật, đạo đức, kinh tế... Tuy nhiên con người không muốn thừa nhận những ước vọng – nhu cầu khách quan của bản thân mà luôn tìm cách che giấu chúng khi thấy chúng không phù hợp với xã hội – chính điều đó đã tạo nên vô thức, mà S. Freud lại quan tâm đến đối tượng này, nó chính là ý thức nhưng không thực hiện được nên bị dồn nén, trở thành vô thức mà thực thể sinh tồn lại không hay biết.

Như vậy, theo quan điểm của S. Freud vô thức là một phần mềm mại của đời sống tâm linh con người có nguồn gốc sinh học đó là bản năng di truyền và quá trình con người đã sống qua, hay nói cách khác đó là sự tác động từ bên ngoài xã hội. Vô thức này bao gồm tất cả những thúc đẩy bản năng, mà những cưỡng chế xã hội và văn hóa đã chôn vùi và “bịt miệng” nhưng không thể hủy diệt được. Cũng thuộc phạm vi vô thức tất cả những kinh nghiệm đau đớn của tuổi thơ, những kinh nghiệm này đã bị lãng quên từ lâu. Vì vậy, chúng ta tìm thấy trên bình diện của vô thức tất cả những gì đã bị dồn ép và thuộc khuynh hướng di truyền, mà xã hội cấm đoán. Có thể thấy rằng theo S. Freud xã hội đã dồn ép những khuynh hướng sơ đẳng của chúng ta từ nhỏ, dồn ép chứ không hủy diệt hoàn toàn được. Chính những sự dồn ép này một mặt tạo nên những xung khắc trên phương diện tâm lý, mà một vài người trong chúng ta không giải quyết được, điều này làm ngưng trệ hay xáo trộn sự phát triển nhân cách của họ, và sự trưởng thành của họ. Mặt khác, những khuynh hướng bị dồn ép không biến mất hẳn, mà vẫn tồn tại dưới lớp vỏ những tập quán xã hội, và lợi dụng những cơ hội bất ngờ để thể hiện, hoặc là

thể hiện một cách tự do và dữ dội dưới hình thức trò chơi, chiến tranh, ngược đãi... hoặc dưới hình thức biểu tượng và che dấu dưới những biến cố được quan niệm như không quan trọng: dưới hình thức giấc mơ, giấc mơ này nhằm thỏa mãn những thèm muốn bị dồn ép của chúng ta. Những năng lực đã bị cưỡng chế xã hội dồn nén cũng chờ cơ hội để tự giải thoát bằng cách phá vỡ những đê điều mà xã hội đắp lên. Tuy nhiên năng lực của những thúc đẩy này cũng có thể tìm ra lối thoát, bằng cách hỗ trợ những hoạt động tinh thần của con người như hoạt động nghệ thuật, khoa học, kỹ thuật, tôn giáo... Trong trường hợp này, S. Freud nói rằng năng lực đã được thăng hóa, nghĩa là đã được hướng sang những mục tiêu khác hơn là những mục tiêu thông thường mà thiên nhiên nhắm tới. Theo S. Freud, tất cả những cố gắng của văn hóa và văn minh phải nhằm làm cho chúng ta chấp nhận những cưỡng chế xã hội, bằng cách bù lại cho chúng ta những thú vui tinh thần như: thú vui trao đổi những kiến thức, thú vui cùng nhau thực hiện những chinh phục kỹ thuật, thú vui thẩm mỹ, thú vui yêu thương và được yêu thương.

S. Freud nghĩ rằng dưới những lý do cao đẹp hay có thể thú nhận được, đôi khi ẩn núp những lý do thật sự. Những lý do này phát lộ ảnh hưởng tiềm ẩn của những thúc đẩy nguyên khởi, mà văn hóa đã che lấp dưới một cái vỏ xã giao. Chẳng hạn như người thanh niên hay bài bác, có khi đi tới nổi loạn nữa, chống lại trật tự xã hội mà nó thấy quá trường giả, quá ngọt ngào, tại vì tồn tại xã hội này chèn ép tuổi trẻ và không cần biết tới sự độc đáo của tuổi trẻ. Nhưng đằng sau những sự phản kháng này, người ta có thể khám phá ra nhiều động lực khác. Đó là sự nổi loạn của cá nhân chống lại một đời sống cộng đồng đòi hỏi người ta phải hi sinh tính ích kỷ của mình, đó là ước muốn giải phóng sự tò mò và những động năng tính dục, thông thường hơn cả, đó là ước muốn biện minh với

bất cứ giá nào cho một thái độ hỗn loạn có tính cách lãng mạn”. [28, tr. 18].

Ở đây S. Freud đã khám phá ra sự hiện hữu của vô thức cá nhân sâu xa. Vô thức này bao gồm tất cả những thúc đẩy bản năng, mà những cưỡng chế xã hội và văn hóa đã chôn vùi và “bịt miệng” nhưng không thể hủy diệt được. Cũng thuộc phạm vi vô thức tất cả những kinh nghiệm đau đớn của tuổi thơ, những kinh nghiệm này đã bị lãng quên từ lâu. Như vậy, chúng ta tìm thấy trên bình diện của vô thức tất cả những gì đã bị dồn ép và thuộc khuynh hướng di truyền, mà xã hội cấm đoán. Như vậy cơ chế dồn ép và quên xuất hiện như là một cơ chế tự vệ của bản ngã xã hội chống lại sự bùng nổ trở đi trở lại của những thúc đẩy nguyên thủy. Theo S. Freud trong con người có

sự tồn tại của một vùng tích cực, năng động, vô thức của đời sống tinh thần, cái vùng mà một trong những cơ chế cốt yếu của nó là quá trình bị thúc ép và bắt buộc phải quên đi, đẩy những ham muốn hay những trở ngại không thể chịu đựng nổi và tràn ngập xúc cảm, mà người ta có thể thấy ở mọi người một sự chống cự to lớn đối với sự trào dâng của nó – tất cả những hiện tượng ấy đối với S. Freud đã quá hiển nhiên để không thể bị phủ nhận được. [8, tr. 45].

Như vậy, cái thế giới vô thức S. Freud nhắc tới là một thế giới đầy sôi động. S. Freud ví nó như một tảng băng trôi mà cái ta nhìn thấy ở trên mặt nước, phần nổi của tảng băng trôi đó là ý thức, còn cái phần thể tích mà chìm ở phía dưới nó lớn hơn rất nhiều lần cái mà chúng ta nhìn thấy đó chính là vô thức. Vô thức sâu xa bao gồm toàn thể những thúc đẩy nguyên thủy, những thúc đẩy này tạo thành những cảm tính cổ xưa của con người. Nhưng cái làm cho vô thức được cá nhân hóa đó là những dấu vết của đời sống riêng của mỗi người, những biến cố nguyên nhân của hiện tượng dồn ép. Những biến cố của đời sống thơ ấu đã làm chấn động đứa trẻ, dần dần được kết tụ lại thành

những mối xúc cảm: Những mối xúc cảm này thường gắn liền với những vật tượng trưng cho sự thỏa mãn những thèm muốn mà lúc đó đã bị dồn ép. Hay là ngược lại những vật tượng trưng cho sự đàn áp mà đứa trẻ phải nhận chịu. Về vấn đề này S. Freud đã viện dẫn câu chuyện của một nữ bệnh nhân 20 tuổi mắc bệnh hysteric. Bệnh nhân này nhất định không chịu uống nước, mà chính cô cũng không biết lý do tại sao cô như vậy:

Cô ta có thể chụp lấy ly nước, nhưng khi ly nước vừa động tới môi cô, cô đẩy nó ra ngay... Cô ăn ngấu nghiến đủ thứ trái cây để giải quyết cơn khát nước đang giày vò cô. Cô cứ như vậy khoảng 6 tuần, nhưng một ngày nọ, trong cơn ngủ thôi miên, cô than phiền về một chị người Anh, mà cô rất ghét. Sau đó cô kể lại, với tất cả những dấu hiệu của một sự ghê tởm sâu xa, rằng có một lần khi cô còn nhỏ, cô có tới phòng của chị này, và ở đây cô thấy con chó nhỏ của chị, một con vật ghê tởm, đang uống nước trong ly. Vì lịch sự cô không nói gì hết. Sau khi đã kể xong chuyện, cô giận dữ một hồi, sự giận giữ mà cho tới đây cô đã kìm hãm được. Sau đó cô đòi uống nước, uống một hơi và thức dậy, lúc đó ly nước vẫn còn nguyên trên môi cô. Cô lành bệnh luôn. [8, tr. 298].

Có thể thấy rằng: Với S. Freud mọi hiện tượng tâm lý hành vi của con người đều chịu sự tác động chi phối của vô thức. Vô thức đóng vai trò chủ yếu và là phạm trù trung tâm của đời sống tinh thần của con người. Theo ông “mọi hoạt động trong tâm trí con người đều bắt nguồn từ vô thức và tùy theo tương quan của những lực lượng thôi thúc và ngăn cản mà được biểu hiện ra theo những quy luật khác hẳn với ý thức”.

Trong những lực lượng thôi thúc, ông quan niệm năng lực tính dục, đam mê tính dục hay libido có một vị trí đặc biệt. Ông cho rằng: “bản năng tính dục chắc chắn là nguồn dồi dào nhất của những cơn kích thích kéo dài” [8, tr. 55]. Đó là một động lực có tính nguyên thủy, thúc đẩy hành vi hoạt động của

con người, là nguồn năng lượng cực kì mạnh mẽ, căn nguyên của mọi hiện tượng tinh thần, thăng hoa sáng tạo, hay bệnh tật. Trong phân tâm học, libido được dùng để diễn tả sự khát dục “sự khát dục giống như sự đói ăn nói chung. Người ta đói tức là bản năng tiêu thụ đồ ăn cần được thỏa mãn, cũng như người ta khát dục cần được thỏa mãn” [47, tr. 346]. Những yếu tố như đạo đức, pháp luật, tôn giáo... là những công cụ hữu hiệu ngăn cản không cho libido bộc phát như bản chất vốn có của nó. Chính sự ngăn cản này đã tạo nên những áp lực, những dồn ép những ham muốn bản năng của con người vào vô thức. Vì thế chỉ cần có cơ hội là vô thức bộc phát với những “*hành vi sai lạc*”, những giấc mơ. Tuy nhiên, đối với S. Freud, đời sống tính dục của con người không chỉ đơn thuần là sự sinh sản và các cơ quan sinh dục, mà phải hiểu rộng hơn, đó là những tình cảm mang lại “những khoái cảm, sự dễ chịu, là phút giây sung sướng trong sự thỏa mãn” [33, tr. 168]. Những tình yêu này có sức mạnh to lớn “ở đâu có loại tình yêu này là có khả năng tạo ra cho con người một trạng thái tinh thần, một trạng thái tâm lý hưng phấn cao làm động lực cho những sáng tạo có ý nghĩa, những phút xuất thần và nói chung là sự thăng hoa nơi một nhân cách, một bước nhảy vọt về tâm hồn”. [33, tr. 169]. Bởi vậy tính dục trong phân tâm học S. Freud không chỉ đơn thuần là “*sự sai lầm vì muốn giấu diếm*”.

Libido biểu hiện dưới hai dạng tồn tại, trên danh nghĩa số lượng, tính dục nó được gọi là libido của bản ngã. Khi libido bản ngã chiếm đoạt các đối tượng tình dục thì nó trở thành libido của đối tượng. Theo S. Freud, libido “tập trung vào đối tượng, định cư ở đó hoặc bỏ hẳn đối tượng để hướng về một đối tượng khác. Nó điều khiển hành động tính dục của cá nhân và cuối cùng đi tới thỏa mãn” [40, tr. 125]. Khát dục sinh lực mà cái tôi dành cho những đối tượng của các khuynh hướng tình dục. Libido không khu trú trên một đối tượng nhất định mà nó luôn thay đổi, và đến một lúc nào đó, nó sẽ

quay về với cái tôi. Đó là sự thay thế giữa các đối tượng bằng việc “*bỏ rơi các đối tượng đó và thay thế bằng cái tôi*”. Lúc này, một hiện tượng xảy ra có ảnh hưởng đến đời sống tinh thần của con người – hiện tượng tự yêu – hiện tượng này được biểu hiện ở việc tự yêu mình một cách thái quá, sẽ dẫn tới bệnh vị kỷ. Sự di chuyển khát dục từ đối tượng về cái tôi biểu hiện rõ nhất khi giấc ngủ diễn ra vì “giấc ngủ là một trạng thái trong đó mọi sinh lực, khát dục hay ích kỷ, gắn liền với đối tượng, rời khỏi các đối tượng đó để quay về với cái tôi” [47, tr. 469].

Tất nhiên sự khát dục không đồng nhất với tình dục, sự khát dục có hai dạng: khát dục có tính chất tình dục và khát dục không có tính chất tình dục. Libido có tính chất tình dục – tức sự thỏa mãn khát dục có sự tham gia của các bộ phận, cơ năng sinh dục, sự tiếp xúc giới tính... biểu hiện chủ yếu ở đời sống con người từ lứa tuổi dậy thì. Libido không có tính chất tình dục là sự thỏa mãn khát dục ở bất kỳ giai đoạn nào của đời sống con người mà không mang tính tiếp xúc giới tính, khoái cảm sinh dục. Đó là sự khát khao sáng tạo, cống hiến cho mọi người, cho xã hội những tác phẩm, những công trình...đó là sự thăng hoa vĩ đại của nhân cách. Chính sự khát dục không mang tính chất tình dục này đã “tạo điều kiện phát sinh những tiến bộ giúp cho loài người bỏ lại đằng sau tất cả những gì có chung với loài vật” [47, tr. 466].

Libido hoạt động dựa trên nguyên tắc khoái lạc, đó là sự tìm kiếm đối tượng để thỏa mãn ngay lập tức những nhu cầu bản năng. “Nó truyền năng lượng vào bất kì đối tượng nào sẽ làm thỏa mãn những bản năng đang thúc đẩy, bất chấp đối tượng đó có thực sự làm thỏa mãn nó hay không” [38, tr. 251].

Theo S. Freud thì đời sống tính dục (Libido) không phải bắt đầu vào tuổi dậy thì mà được biểu hiện rất sớm ngay từ khi con người được sinh ra. Biểu hiện ban đầu là tính dục trẻ con. Tính dục trẻ con là xung lực nền tảng, là

nguyên nhân cho mọi sự thăng hoa hay lệch lạc tính dục sau này. S. Freud cho rằng:

cơ quan đầu tiên được biểu hiện thành vùng kích dâm và đặt ra một yêu cầu của libido đối với tâm thần, từ khi mới đẻ, đó là miệng. Toàn bộ hoạt động tâm thần tập trung trước tiên vào việc thỏa mãn nhu cầu của vùng này. Đó là điều hiển nhiên, vì trước hết, nhu cầu bảo tồn đem lại sự thỏa mãn cho ăn uống. Nhưng xin đừng lẫn lộn sinh lý với tâm lý. Từ rất sớm, khi mút vú cho bằng được, đứa trẻ cảm thấy một sự thỏa mãn vì làm như vậy. Nhưng, tuy bắt nguồn từ ăn uống, sự thỏa mãn ấy vẫn có tính độc lập. Vì nhu cầu mút vú có thể đem lại khoái cảm, nên nó có thể và phải được coi là mang tính chất tính dục [8, tr. 125].

Như vậy có thể thấy rằng miệng là cơ quan để tiếp nhận thức ăn và cũng là phương thức để liên lạc với thế giới bên ngoài. Giai đoạn này trẻ có thể bú mẹ, mút ngón tay, mút nhiều đồ vật khác... đều đem lại cảm giác thỏa mãn. Tuy nhiên, khi răng mọc thì việc mút tay lại được thay thế bằng việc cắn, nhưng việc cắn lại luôn bị đe dọa bởi nguyên tắc thực tế và đòi hỏi phải thích nghi. “vào lúc này trẻ tập dờn lại sự thỏa mãn một nhu cầu nào đó, hoặc nếu cần thì từ bỏ một khoái lạc tức thời nào đó để tránh sự đau khổ hoặc làm cho cha mẹ hài lòng” [28, tr. 74]. Vì thế đây là giai đoạn bước đầu trẻ chịu chấp nhận sự chi phối của nguyên tắc thực tế và là cơ sở ban đầu cho sự phát triển nhân cách.

Tiếp theo khoái cảm ở miệng là khoái cảm ở vùng hậu môn. Khoái cảm này trước tiên đến từ sự thỏa mãn thể chất khi tổng được phân ra khỏi ruột. S. Freud cho rằng “việc đại tiện và tiểu tiện cũng gây cho đứa trẻ sơ sinh những khoái cảm và nó sẽ tổ chức công việc này để gây cho nó nhiều khoái cảm bằng cách kích động những nơi có thể kích động được” [47, tr. 348]. Không những thế trẻ khám phá ra việc giữ phân lại một thời gian cũng gây cảm giác

khoái lạc, nhưng điều đó lại vấp phải sự cưỡng chế thực tế của cha mẹ là muốn con đi ngoài sạch sẽ hơn – đó là hình thức giáo dục đầu tiên của cha mẹ đối với trẻ. Đây cũng là thời kỳ của những tín hiệu “gây hấn” trẻ con. Sự nhượng bộ đầu tiên của trẻ đối với cha mẹ là việc giữ gìn sạch sẽ, nhưng trong bản thân trẻ vẫn tồn tại sự chống đối tiềm tàng. Thái độ chống đối của trẻ góp phần làm cho trẻ ý thức được sự tự kiểm soát của mình, hình thành cái tôi riêng biệt của nó. Vì thế trẻ “chống đối để tự xác nhận và được nhìn nhận” [28, tr. 76].

Xen vào sự xuất hiện hai loại khoái cảm trên còn có khoái cảm thứ ba và cũng là cuối cùng về thể chất của tuổi ấu thơ, khoái cảm này nằm ngay ở các vùng sinh dục trên thân thể như các bộ phận thuộc cơ quan sinh dục. Những vùng này tuy chưa hoàn toàn sẵn sàng cho việc thực hiện hành vi tính dục về mặt sinh lý song nó vẫn là những vùng mạnh mẽ, quan trọng đối với khoái cảm. Trẻ cảm thấy thích thú khi nghịch bộ phận sinh dục của mình, thích được vuốt ve cơ thể... Tuy nhiên những việc làm này thường bị người lớn mắng mỏ dữ dội, đôi khi bị đe dọa nữa, mà những sự đe dọa này chính là bắt nguồn từ tuổi thơ bị dồn nén của người lớn và tạo ra lại những nỗi khiếp sợ tiềm tàng về sự bỏ rơi, tước đoạt, cắt xẻo mà trẻ con không thể tránh khỏi từ phía những người lớn có các thái độ như vậy đối với chúng.

Qua thời kỳ môi, niêng, là giai đoạn mà S. Freud gọi là giai đoạn tự thỏa mãn, trẻ dần hòa nhập với xã hội, thay vì việc tự thỏa mãn trên cơ thể, trẻ hướng libido ra bên ngoài và tìm kiếm đối tượng thỏa mãn mới. Giai đoạn này được S. Freud gọi là: Giai đoạn khoái lạc với người khác: Giai đoạn này được chia làm 3 thời kì: thời kì sùng bái dương vật; thời kì tiềm phục; thời kì sinh dục. Ở thời kỳ sùng bái dương vật, trẻ em bắt đầu khám phá ra những đối tượng tính dục bên ngoài nó, và tò mò các bộ phận trên cơ thể mình và cơ thể người khác. Đây là thời kỳ gần tương đồng với đời sống tình ái của người lớn.

Lúc này những thúc đẩy bản năng hướng tới những mục tiêu khác nhau và chèn ép nhau, tất nhiên những thúc đẩy bản năng thường vương phải những cấm đoán, áp chế xã hội (mà biểu hiện cụ thể là ở sự nghiêm khắc của cha mẹ trong một vài lỗi của trẻ...) và vì thế có một vài thúc đẩy bản năng không được thực hiện. Trẻ rơi vào những mặc cảm, mặc cảm đầu tiên mà trẻ mắc phải đó là mặc cảm Oedipe. Mặc cảm Oedipe được S. Freud trích dẫn và xây dựng từ thần thoại Hy Lạp, nói về hoàng tử ngây thơ ở thành Thebai được lời phán truyền tiên đoán rằng chàng sẽ giết bố và lấy mẹ mình. Bố chàng sai bỏ chàng ở một sườn núi, hai chân bị đục xuyên qua, để cho chàng phải chết vì đói và phơi mình ra cho đủ mọi thứ nguy hiểm. Hoàng tử nhỏ được những người xa lạ tìm thấy, nuôi nấng và cuối cùng trở về để thực hiện lời tiên tri mà chàng không hề hay biết.

Trước khi giết vua, giải phóng vương quốc khỏi sự đè nén của quái vật man rợ và khủng khiếp và lấy hoàng hậu làm vợ, mà đó chính là mẹ mình, chàng đã không biết mình đã làm những gì. Khi biết được sự thật mình chính là kẻ giết cha và loạn luân với mẹ, hoàng tử tự trừng phạt mình bằng cách chọc mù mắt, mặc quần áo ăn mày cùng con gái đi lang thang, mù lòa, như bị lưu đầy khắp thế gian.

Mặc cảm Oedipe được hiểu như một nỗi sợ thực sự, nhưng bị dồn nén, của đứa trẻ khi sợ bố thiên hoạn nó để trừng phạt mong muốn hoàn toàn chiếm lấy mẹ của nó. Như vậy với việc khám phá ra mặc cảm Oedipe, S. Freud đã cho chúng ta thấy rằng vương vào mặc cảm Oedipe của trẻ là hoàn toàn do vô thức. Tuy nhiên do hoàn cảnh có liên hệ mật thiết với trẻ trong những năm đầu đời, mà ở đó người mẹ vừa giữ vai trò của người chăm sóc nuôi dưỡng vừa là người làm cầu nối cho trẻ với xã hội, nên sự say mê của trẻ đối với mẹ không thể xem là tội lỗi, nhưng nó sẽ không bao giờ được thỏa mãn hoàn toàn vì áp lực ngăn cản từ người bố. Tình cảm ghen tị và

tranh chấp của trẻ đối với cha mẹ đã xảy ra nhưng chỉ nằm trong vô thức không được nói ra.

Ngoài mặc cảm Oedipe, giai đoạn này trẻ còn vướng phải mặc cảm bị thiếu hụt và lòng ghen vì bị thiếu dương vật. Trẻ trai luôn chịu đựng sự sợ hãi về tinh thần cũng như những sự đe dọa đau đớn về thể xác. Sự lo âu đó trở thành vô thức, nó bắt nguồn từ việc trẻ thích thỏa mãn những khoái cảm của nó bằng việc nhìn ngắm hay sờ mó các bộ phận sinh dục và vấp phải sự quát nạt của bố mẹ. Sự sa đọa đó đã hình thành trong trẻ nỗi mặc cảm ám ảnh trẻ đến tuổi trưởng thành, làm cho trẻ trở nên lo âu, bạc nhược về mặt tinh thần. Trái lại trẻ em gái thường bị lòng ghen tị vì thiếu dương vật ám ảnh. Sự khám phá ra bộ phận sinh dục của bé trai và tương quan so sánh trong sự mong chờ “một ngày nào đó từ âm vật cũng mọc ra một bộ phận như những bé trai. Nhưng sự chờ đợi đó là vô vọng và trẻ cảm thấy tự ti, thất vọng, chán ghét cuộc sống hay nổi loạn theo kiểu làm cho mình trở nên nam tính, bướng bỉnh, khó bảo” [38, tr. 270].

Tóm lại, trong giai đoạn chuyển tiếp này, sự khát dục của trẻ em từ tự thân sang đối tượng bên ngoài. Sự khát dục (libido) bắt đầu từ sự gắn bó với cha mẹ - những đối tượng làm cầu nối cho trẻ với xã hội bên ngoài. Hai hành vi của Oedipe được nhân loại ghi nhận như là những ham muốn có tính cách tượng trưng cho bản năng tính dục không bị kìm hãm.

Vượt qua thời kì này, libido của trẻ hướng đến một thời kì mới. Thời kì tiềm phục, kéo dài từ khoảng 6 tuổi đến lúc dậy thì. Lúc này libido có xu hướng trầm xuống, không mang tính chống đối trực diện những quy phạm xã hội. Sự tổn thương tính dục của giai đoạn giao thời tạm bị lãng quên, thay vào đó toàn bộ năng lượng libido chuyển hóa sang việc học tập rèn luyện – những hành động này tiêu thụ hầu hết năng lượng khát dục của trẻ.

Đặc điểm của sự khát dục thời kì này là việc trẻ dễ dàng chấp nhận những khuôn mẫu xung quanh. Sự khát dục vẫn âm ỉ và vẫn ảnh hưởng tới tinh thần của trẻ, tuy nhiên là ít hơn so với trước. Việc ức chế được ham muốn tìm cảm giác ở các bộ phận sinh dục, các miền sinh dục đã tạo cho trẻ cảm thấy sung sướng, bởi thế những xung khắc mang tính chất khát dục lùi vào vô thức. Chịu ảnh hưởng của khung cảnh học đường trẻ tạo được sự tương quan mới bằng việc phân biệt rõ ràng hơn giữa thế giới khách quan và thế giới chủ quan, thế giới của thực tế và thế giới của thèm muốn. Sự chuyển hóa từ khát dục hưởng thụ và chiếm hữu trở thành khát dục hiểu biết. Sự thăng hoa này thể hiện nhu cầu muốn thống trị và thể nghiệm năng lực tự trị của trẻ. Đây cũng là giai đoạn mà sự hiểu biết của trẻ luôn luôn thường trực trong đời sống. Trẻ có thể hỏi những người xung quanh bất kì điều gì, nhưng điều mà trẻ quan tâm nhiều nhất đó là việc tìm hiểu câu trả lời: trẻ em có từ đâu? Vấn đề này, theo S. Freud nó đã tồn tại trong mặc cảm Oedipe, do quái vật Xphinx đặt ra. Sự đe dọa mất vị trí độc tôn trong gia đình vì một em bé sẽ ra đời và chiếm mất vị trí của nó đã tạo ra một xung lực libido thôi thúc bé tìm hiểu nguyên nhân ra đời của mình. Sự giải thích của người lớn thông thường là không thấu đáo. “Chính đứa bé cũng không tin tưởng gì lắm vào cách giải thích nói rằng chính những con cò đã mang bé đến. Chính cái cảm tưởng bị người lớn lừa dối đã làm cho đứa bé trở thành cô độc và độc lập với người lớn” [47, tr. 352]. Bởi vậy đây là thời kỳ mà song song với khát dục chiếm giữ khoái lạc là khát dục hiểu biết – một phương tiện để trẻ gia nhập xã hội. Nhưng khát khao hiểu biết của trẻ đối với vấn đề nguồn gốc của nó là không thể thỏa mãn. Sự khát khao đó kéo dài mãi đến tuổi dậy thì, khi mà “cho đến một ngày nào đó trước tuổi dậy thì, đột nhiên bàng hoàng, như bị đánh bất thần trước những câu giải đáp cho vấn đề thường làm nó bận tâm, những lời

giải đáp tuy không đầy đủ nhưng cũng đưa nó ra khỏi sự ngây thơ buổi đầu” [47, tr. 353].

Thời kì sinh dục, là thời kỳ sau cùng trước khi thanh thiếu niên trưởng thành, tương ứng với tuổi dậy thì. Đây là lúc những biến đổi tâm sinh lí sâu xa và mạnh mẽ bởi sự hoạt động của nguồn năng lượng libido bị lãng quên ở thời kì tiềm phục trở dậy. Biểu hiện của cơ thể ra bên ngoài là sự tăng trưởng mạnh mẽ của hệ thống sinh sản, vùng sinh dục và hoóc môn. Những cảm đoán không hoàn toàn của xã hội và văn hóa cũng đã gây ra cho trẻ những xung khắc. Bởi vậy “thanh niên có thể công khai bộc lộ libido đối với người khác giới và mục tiêu đầu tiên của xung lực tính dục này là sinh sản” [38, tr. 271]. Lúc này trẻ hướng các hoạt động của mình nhằm mục đích thỏa mãn sự khát dục vào việc thiết lập tình bạn, chuẩn bị nghề nghiệp, yêu đương... Tuy vậy sự bó buộc của xã hội và thái độ mĩa mai hay lạnh nhạt của người lớn sẽ dẫn tới việc trẻ cảm thấy lo âu và sợ hãi. Chịu sự thúc đẩy của libido và bị xã hội xem là “trẻ con” trẻ tự tìm lối thoát cho những xung lực tính dục bằng cách lẩn trong thế giới của tưởng tượng để trốn tránh thực tại.

Thời kì này cũng đánh dấu sự phát triển mạnh mẽ của sự “tò mò tính dục” và “tự ái” (tự say mê chính mình), biểu hiện ở việc thanh thiếu niên hỏi han đủ điều về tính dục. Sự khát khao muốn hiểu biết, muốn khám phá cơ thể mình và cơ thể người khác giới. Đây cũng là giai đoạn mà thanh thiếu niên hướng libido đến sự cao thượng, biểu hiện ở việc tìm lí tưởng và dũng cảm, say mê những sự hoàn hảo, lớn lao, muốn sẽ là người vĩ đại.

Sự khát dục như là một phần tất yếu trong đời sống tinh thần của con người cần phải được thỏa mãn. Sự thỏa mãn khát dục từng giai đoạn và ở trong mỗi con người là không giống nhau. Mặc dù chịu sự ảnh hưởng lớn của tính dục trẻ con, song ở người lớn sự thỏa mãn khát dục cũng đi theo nhiều chiều hướng và phụ thuộc vào sự quy định đối tượng libido trong mỗi người.

Những kích thích đó đã tạo ra những cảm xúc mạnh mẽ, làm căng thẳng về mặt tâm lý và dẫn tới việc “hình thành những ước vọng và những ham muốn” [33, tr. 214]. Điều này đồng nghĩa với việc con người phải làm thế nào đó để “những ham muốn đó được thỏa mãn, mang lại cho con người những khoái cảm và cuối cùng làm giảm sự căng thẳng về tâm lý do việc chưa được thỏa mãn về khát dục gây ra” [33, tr. 214]. Bởi vậy trong đời sống tinh thần nói chung, phải luôn luôn làm dịu đi những căng thẳng tâm sinh lý một cách thấp nhất và phải quan tâm đến sự bùng nổ tâm lý của mỗi cá nhân. Đó có thể là những giây phút xuất thần tạo hiệu quả đặc biệt trong công việc và điều đó đem lại cho con người những khoái cảm. Nguyên tắc khoái cảm là hạt nhân của nguyên tắc kích động, những ham muốn ước vọng của nguyên tắc khoái cảm phải được thỏa mãn. “Khi những ham muốn, những khát vọng đó được thỏa mãn thì tạo ra những khoái cảm ở mức độ cao nhất” [33, tr. 217]. Nguyên tắc khoái cảm đòi hỏi mọi ham muốn của con người phải được thỏa mãn một cách tức thời mà không cần biết đến những hậu quả sau đó.

Tóm lại, sự khát dục luôn đòi hỏi phải thỏa mãn, tuy nhiên sự thỏa mãn ở mỗi người là rất khác nhau. Đối với những người bình thường, việc thỏa mãn khát dục luôn đồng nghĩa với việc hoàn thiện và phát triển thêm nhân cách cao đẹp, mang lại cho bản thân những khoái cảm đặc biệt và tạo hưng phấn trong cuộc sống. Nhưng không phải tuyệt đối mọi người đều thỏa mãn được libido, do những dồn nén sẽ tạo ra những hành vi mang tính vô thức.

Khi libido bị dồn nén, con người rơi vào trạng thái căng thẳng. Sự căng thẳng đó bắt đầu biểu hiện ra bên ngoài bằng “những hành vi sai lạc”. Đó là những hành vi lầm lỡ, những câu nói lỡ lời, viết sai, đăng trí... nếu như mọi người đều cho rằng đó là những hành vi đơn thuần do tổn thương hay mệt mỏi về thể xác và tinh thần và nó chẳng ảnh hưởng gì đến đời sống con người thì trái lại theo S. Freud “những hành vi sai lạc vô nghĩa, đầu Ngô mình Sở, vô

tội vạ đó thực ra lại có một ý nghĩa nào đó mà người có hành vi đó không hề hay biết và không hề có ý định gì” [33, tr. 65]. Chính những hành vi sai lạc đã vén bức màn vô thức cho con người khám phá, bởi vì đằng sau những hành vi sai lạc đã tiềm ẩn những ham muốn. Hay nói cách khác sự ham muốn của con người khi chưa được thỏa mãn là khuynh hướng đi gây rối với khuynh hướng bị gây rối – những áp chế và cấm đoán. Sự dồn ép quá mức làm cho những ham muốn ẩn sâu vào vô thức nhưng nó luôn tìm cách thoát ra khi mà khuynh hướng bị gây rối hay sự trấn áp sơ suất.

Sự dồn ép cần được giải tỏa, nếu không sẽ rơi vào bệnh thần kinh, hầu hết những người bị bệnh thần kinh là những người bị kìm hãm khi không được thỏa mãn tính dục. Vậy libido phải làm sao để được thỏa mãn, đó là một cơ chế mà giữa hai nguyên tắc: khoái lạc và thực tế có sự thỏa thuận hay nhượng bộ. Việc điều chỉnh, nhượng bộ lẫn nhau tạo ra một số phương thức giải tỏa dồn nén, trong đó biểu hiện chủ yếu dưới các hình thức sau:

Trước tiên đó là phương thức giải tỏa dồn nén bằng tưởng tượng hay những giấc mơ. Đó là việc thay thế sự thỏa mãn thực tế của nguyên tắc khoái lạc bằng việc tưởng tượng hay giấc mơ. Theo S. Freud, phương thức này là một sự thoái lui khi mà những ham muốn của con người bị thực tế ngăn chặn, khi đó những khát vọng này sẽ được thực hiện bằng cách nằm mơ hay tưởng tượng. “Đối với những người trẻ tuổi thì đó là những giấc mơ về tham vọng, đối với đàn bà thích có những thành công về tình ái thì đó là những giấc mơ về tình ái. Nhưng luôn luôn người ta gặp những nhu cầu về tình ái đằng sau những giấc mơ đàn ông” [47, tr. 105]. Giấc mơ có thể diễn ra cả ở những người bình thường và người bệnh, nó bao gồm những nội dung rõ ràng và tiềm ẩn. Nội dung rõ ràng thông thường gắn với những biến cố ban ngày còn sót lại. Nội dung tiềm ẩn của giấc mơ thể hiện sự biến dạng. Tuy nhiên cả giấc mơ người lớn và giấc mơ trẻ con đều thể hiện “lòng ham muốn vô thức

chính là sự kích động của giấc mơ còn nội dung chính là sự thực hiện lòng ham muốn đó dưới hình thức ảo giác” [38, tr. 277]. Sự biến dạng nội dung giấc mơ, chính là do sự kiểm duyệt của cái tôi đối với những ham muốn vô độ của libido cho phù hợp với những chuẩn mực xã hội. Không thể để lại những khát dục trần trụi, mà thay vào đó, cái tôi buộc những ham muốn vô thức phải tạo màn che. Bởi vậy nội dung của những giấc mơ thông thường biểu hiện dưới các dạng cô đặc, di chuyển.

Trong những giấc mơ, luôn có xu hướng của sự tượng trưng điều này nhằm tránh được những khuynh hướng mà theo S. Freud “những khuynh hướng này đáng chê cười, tục tĩu về phương diện lý luận, mỹ thuật và xã hội, nhưng điều mà người ta không dám nghĩ đến hay nghĩ đến mà kinh tởm” [47, tr. 158]. Chính những ham muốn bị kiểm duyệt và bị biến dạng trong giấc mơ thường biểu lộ một tấm lòng ích kỷ vô bờ bến và vô liêm sỉ. Bởi vì khi mơ ngủ thì

cái tôi trong giấc mơ đã rũ bỏ được hết sự ràng buộc về luân lý, thỏa mãn mọi đòi hỏi của bản năng tính dục, của bản năng luôn bị nền giáo dục về nghệ thuật của chúng ta cấm đoán, những bản năng chống lại sự kìm kẹp của luân lý. Sự tìm kiếm khoái lạc libido chọn đối tượng mà không gặp sức chống đối và thường chọn quả cấm: nó không những chọn vợ của người khác mà còn chọn cả những điều mà nhân loại thường gán cho những tính cách thiêng liêng: người đàn ông chọn mẹ mình hay chị em mình, người đàn bà chọn cha hay anh em mình. Những sự ham muốn mà chúng ta tưởng chừng không có liên quan đến loài người đã tỏ ra đủ mạnh để tạo nên những giấc mơ. Lòng thù hận tha hồ tung hoành, những ý muốn báo thù, mong cho những người mình yêu nhất trên đời chết đi [47, tr. 158-159].

Như vậy chủ yếu trong giấc mơ thể hiện ý tưởng tiềm tàng những ham muốn vô thức tính dục, những ham muốn này không bao giờ được thỏa mãn ở thực tế, vì vậy buộc con người phải giải phóng nó vào trong giấc mơ. Chính sự dồn ép của đạo đức, luân lí xã hội, pháp luật, phong tục tập quán đã nén những ham muốn khát dục vào đáy sâu tâm hồn. Khi ngủ, sự kiểm duyệt của cái tôi vẫn hoạt động nhưng mạnh yếu là khác nhau nên giấc mơ bị biến dạng khác nhau. Tuy nhiên dù bị biến dạng thế nào đi nữa, thì nội dung của giấc mơ cũng giúp cho những xung lực của libido được giải tỏa phần nào.

Bên cạnh cách giải tỏa những dồn nén của xung lực libido thông qua những giấc mơ. S. Freud còn chỉ ra rằng: Bằng các nghi lễ tôn giáo, nguồn năng lượng của libido bị dồn nén cũng được giảm thiểu phần nào, các cá nhân chịu những dồn nén tương đồng dễ hòa nhập vào nhau để tạo nên sức mạnh đoàn kết. Tôn giáo cũng đã cho những người đi tìm hạnh phúc nhỏ bé của mình trước vũ trụ bao la, một sự bù trừ bằng những lời hứa hẹn một cuộc đời khác hạnh phúc, sung sướng hơn. Mặt khác, với những cảm đoán thiêng liêng và siêu việt, vượt không gian và thời gian, những lo âu của con người sẽ được giải tỏa trước những thúc đẩy bản năng. Chính vì thế, tôn giáo là đối tượng trung gian cho việc hòa giải giữa nguyên tắc khoái lạc với nguyên tắc thực tế của việc thỏa mãn các xung lực libido.

Không những thế S. Freud còn chỉ ra rằng: việc thăng hoa vào nghệ thuật cũng là một hình thức góp phần vào việc giải tỏa dồn nén vô thức tính dục. Đây là hình thức giải tỏa dồn nén một cách độc đáo và tích cực nhất cho những xung đột giữa những ham muốn dục vọng với văn hóa xã hội.

Theo S. Freud, những ham muốn tưởng tượng, giấc mơ nếu chúng ta làm chủ được và định hướng được cho nó sẽ dẫn đến sự sáng tạo nghệ thuật. Ông cho rằng nghệ thuật chính là “hình thức thỏa hiệp rõ ràng nhất giữa nguyên tắc khoái lạc và nguyên tắc thực tế, là con đường giải thoát ưu việt nhất của

sự dồn nén” [20, tr. 65]. Tuy nhiên không phải mọi người bị dồn nén đều có thể thỏa mãn bằng con đường này mà là chỉ có một số ít trường hợp bởi nó phụ thuộc vào một số yếu tố phức tạp (năng lực, khí chất, tính cách), vì vậy “quần chúng thường không có may mắn được thỏa mãn nhu cầu nghệ thuật” [50, tr. 24]. Như vậy thăng hoa vào nghệ thuật, văn học, khoa học, triết học... chính là hình thức giải tỏa những ham muốn libido một cách cao đẹp nhất, là con đường dẫn tới những thiên tài sáng tạo. Những tác phẩm nổi tiếng thế giới về văn học nghệ thuật như: Người lái buôn thành Venia, Hamlet của Shakespeare, Michel Angel với bức tranh thánh Moise, Leona Dorvanhxi với nụ cười nàng La Jôconde đều là những tác phẩm tuân theo nguyên tắc thăng hoa của vô thức theo quan niệm của phân tâm học nói chung và nguyên tắc của libido nói riêng.

Như vậy, vô thức sâu xa bao gồm toàn bộ những thúc đẩy nguyên thủy, những thúc đẩy này tạo thành những cảm tính cổ xưa của con người. Nhưng cái làm cho vô thức được cá nhân hóa, đó là những dấu vết của đời sống riêng tư của mỗi con người, những biến cố nguyên nhân của sự dồn ép.

Tóm lại: Vô thức có một nội dung rất rộng lớn đó là tất cả những biến cố, những ước vọng của con người trong đời sống tồn tại của mình chưa được thực hiện do nhiều nguyên nhân tạo thành trong đó nguyên nhân xã hội giữ vai trò to lớn quyết định.

Vô thức nằm trong sâu thẳm tâm hồn con người, là nơi ẩn chứa của những bản năng. Trong những bản năng đó thì dục vọng giữ vai trò cốt lõi - chi phối đến mọi hành vi và mục đích hoạt động cũng như tồn tại của con người. Với bản năng dục vọng, xung lực libido luôn thôi thúc con người hướng đến sự thỏa mãn. Tuy nhiên, sự thôi thúc đó luôn gặp phải những xung đột với nền văn hóa, S. Freud đã khẳng định “giữa xã hội và cá nhân luôn tồn tại một loại xung đột tất nhiên, lịch sử của nhân loại chính là lịch sử bản năng

của nó bị áp chế, xã hội văn minh bắt nguồn từ sự áp chế đối với bản năng, dục vọng và luận điểm thăng hoa của vô thức” [21, tr. 18]. Chính những chuẩn mực đạo đức, lối sống, quy tắc pháp luật đã không cho phép libido thực hiện hoàn toàn những ham muốn, thèm khát. Những ham muốn libido bị dồn ép trở thành vô thức, đó là sự từ bỏ tạm thời những ham muốn, để đến một lúc nào đó, khi cái tôi không đủ năng lực kìm nén thì những ham muốn đó lại trỗi dậy, thôi thúc những hành động bản năng.

Vô thức là cái nằm ở tầng sâu của kết cấu tâm lý con người, nó như là kho tàng trữ bản năng dục vọng của con người. Đây là một cái kho chứa một hầm thuốc súng hay người ta gọi là lò lửa hừng hực, đó là cái kho năng lượng tâm lý mãnh liệt nó chỉ tuân theo nguyên tắc khoái lạc, vì vậy nó luôn tìm cách để thỏa mãn.

Như vậy, vô thức là một hiện tượng phức tạp, vô thức là sung lực mà ở đó những sung lực luôn tìm cách xé rào để thỏa mãn ý muốn của chủ thể, nhưng con người có khả năng kiểm soát được. Theo S. Freud thì khi vô thức bị dồn nén quá không chịu được thì con người sẽ bị bệnh tâm thần.

1.2.3. Những đóng góp và hạn chế của phân tâm học.

Phân tâm học của S. Freud ngay từ khi mới ra đời đã có một số phận đặc biệt. Nó được đánh giá với nhiều thái độ khác nhau, sự ghê lạnh của giới y học và xã hội, đồng nghiệp xa lánh và bắt bỏ ông. Nhiều người còn đe dọa bỏ tù ông, lên án ông là kẻ tội phạm lớn nhất đối với nền văn hoá Châu Âu. Nhưng không ai có thể phủ nhận được tầm quan trọng, ý nghĩa ứng dụng thực tiễn sâu rộng của học thuyết phân tâm. Những nghiên cứu của S. Freud vẫn còn có giá trị ứng dụng phổ biến cho đến ngày nay. Đánh giá học thuyết phân tâm học của S. Freud dưới góc độ tâm lý học và triết học thì có những đóng góp và hạn chế như sau:

a. Đóng góp.

Về đóng góp của học thuyết phân tâm học, Năm 1950, nhà tâm lý Boring viết trong cuốn giáo khoa *Lịch sử tâm lý học thực nghiệm*, ông ca ngợi S. Freud:

Ông được xem là khởi nguồn vĩ đại nhất của tất cả, tác nhân của tinh thần thời đại, người hoàn thành sứ mạng phổ biến tâm lý học bằng nguyên lý của quá trình vô thức... Không có chuyện lịch sử tâm lý học ba trăm năm tới thiếu tên Freud mà vẫn được xem là lịch sử chính thống. Và đó chính là tiêu chuẩn về sự vĩ đại: danh tiếng sau khi mất. [44, tr. 398].

Năm 1982, hai nhà tâm lý Leak và Christopher cũng viết rằng: Ít nghi ngờ rằng phân tâm học Freud là “lực đẩy đầu tiên” trong tâm lý học thế kỷ XX. Phân tâm học như một lý thuyết nhân cách toàn diện nhất, chi tiết hóa cấu trúc, động lực và sự phát triển nhân cách ở một mức độ mà không đối thủ nào vượt qua được. Đây là ưu điểm lớn nhất mang lại cho phân tâm học vinh quang và sức lôi cuốn. Phân tâm học giải thích tất cả, bằng những khái niệm dường như chính xác nhưng lại đủ mơ hồ và huyền ảo để ai cũng có cách diễn giải riêng – một đặc điểm rất giống với các triết thuyết và tôn giáo phương Đông xưa. Điều đó tạo nên sức lôi cuốn mà không một hệ tư tưởng mang tính thực chứng nào có được.

Mặt khác S. Freud đã đưa ra một lý thuyết trọn vẹn về nhân cách, nó đầy đủ và cho phép giải quyết nhiều vấn đề tâm lý có ứng dụng thực tế mà đến nay vẫn còn được ứng dụng. Ông còn được đánh giá cao khi là người đã khám phá ra một lĩnh vực nghiên cứu mới của tâm lý học: vô thức. Có công lớn trong việc nghiên cứu động lực hành vi của con người là động cơ vô thức. Chính những cảm nghĩ vô thức là phần quan trọng nhất với xung lực mạnh nhất trong tâm trí con người và hoạt động của vô thức diễn biến theo những

luật khác hẳn với hữu thức. Đó là đóng góp quan trọng nhất, lâu dài nhất của S. Freud cho tâm lý học. Sau S. Freud không thể tìm lý giải con người với những hiện tượng bên ngoài và những cách biện giải hợp lý. Không thể còn ai chối cãi được là con người thường bị những động cơ bản thân không nhận thức được thôi thúc, dẫn đến những hành vi phá hoại những gì mà con người cho là có giá trị nhất.

Có nhận xét: Ông được coi là người dũng cảm nhất thế giới bởi dám vạch trần bộ mặt đạo đức giả của nhân loại.

Sức thu hút của phân tâm học cũng đến từ một hướng khác. Nói chung trong tâm lý học có hai kiểu tư duy: Kiểu tường thuật và kiểu duy lý để giải quyết vấn đề. S. Freud được ưa chuộng vì ông là một cây bút siêu hạng. Phong cách kể chuyện của ông xuất sắc đến mức ông từng được đề nghị trao giải Nobel văn học! Theo McConnell thì không thể hiểu được sức mạnh ngòi bút S. Freud khi chưa đắm mình vào những trang ông viết về lịch sử bệnh lý bệnh nhân. Những cái tên đầy sức gợi mà S. Freud đặt cho người bệnh như: người rắn, người chó sói, Hans bé nhỏ,... vừa miêu tả chính xác đặc tính của họ, vừa thể hiện sức tưởng tượng phi thường của ông. Và các thuật ngữ khoa học cái ấy, cái tôi, cái siêu tôi – cùng nhiều thuật ngữ khác, thì có lẽ chỉ S. Freud mới nghĩ ra. Người ta dùng chúng thường xuyên không chỉ trong các hội thảo tâm lý, mà còn trong cuộc sống hàng ngày.

Phân tâm học còn được phổ biến nhờ một thực tế không thể bỏ qua, đó là sức hấp dẫn khác thường của chủ đề tính dục. Mặc dù S. Freud cho rằng kim hãm tính dục là cần thiết cho sự tồn tại của văn minh, điều có vẻ ngược với quan điểm về vai trò động lực của dục năng, chính việc nhấn mạnh tính dục đã góp phần phổ biến tư tưởng của ông. Theo Schultz trong sách đã dẫn thì ngay trên các tạp chí khoa học, những bài viết về sex cũng tạo nên sức lôi

cuốn đầy cảm xúc. Và đó cũng có thể là lý do đông khách của mấy bộ phim trong nước gần đây.

Về nhận thức: Học thuyết của S. Freud không chỉ là thuyết khoa học đầu tiên về hành vi con người, mà còn chứng tỏ là một trong những cái nhìn tổng quan nhận thức về bản chất của con người phát triển. Trong một khuôn khổ lý luận của học thuyết, S. Freud cung cấp một cấu trúc nhân cách và cấu trúc này bao gồm một nhận thức về những ảnh hưởng quan trọng trên hành vi được bắt nguồn từ thực tế, xã hội và sinh vật học. Phân tâm học cũng biểu hiện cho ta thấy con người được thúc đẩy như thế nào bởi những lực ép vô thức để tham dự vào hành vi quan trọng, minh họa cả hai hành vi bình thường và dị thường, phát triển và vận hành như thế nào; diễn giải cá nhân bị rối loạn có thể được điều trị như thế nào để có gắng sửa đổi hành vi trục trặc. Phải chăng, trong bức chân dung nhận thức được học thuyết S. Freud cung cấp cho ta thấy nền tảng học thuyết này ảnh hưởng vĩ đại cả trên những ngành học trí tuệ lẫn cuộc sống hằng ngày của chúng ta. Ý nghĩa của S. Freud khi xem con người như là một tạo vật mà cùng lúc vừa thô sơ lại vừa phức tạp, vừa bốc đồng lại vừa duy lý, vừa ích kỷ lại vừa quảng đại, vừa thái hóa lại vừa sáng tạo, vừa con lại vừa người. Đây là giá trị thành công vĩ đại nhất của học thuyết sau này.

Về giá trị khám phá: Sự khám phá của học thuyết S. Freud quả là quá minh mông, là đòn bẫy, và động cơ kích thích cho sự phát triển của nhiều học thuyết khác và sản sinh một số lượng khổng lồ các cuộc nghiên cứu. Có một vài triết gia chỉ khai triển một vài khía cạnh đặc thù của S. Freud; một số khác thì phát triển học thuyết như một phản ứng chống lại khía cạnh này hoặc khía cạnh khác của S. Freud; một số nhà tư tưởng khác thì hoàn toàn theo đuổi tư tưởng của S. Freud. Nói chung, công trình nghiên cứu của S. Freud có một phạm vi phạm phá quá vĩ đại.

Như vậy có thể thấy rằng: S. Freud

Là một người mà tên tuổi mãi mãi đứng cùng hàng với những tên tuổi như Darwin, Copernic, Newton, Marx và Einstein; một người đã thực sự làm biến đổi cách thức chúng ta suy nghĩ về ý nghĩa của cuộc sống và của xã hội con người”. “Phân tâm học đã và mãi mãi vẫn là sự sáng tạo độc đáo của S. Freud. Sự khám phá, thăm dò, nghiên cứu và thường xuyên xét duyệt lại của ông là sự nghiệp cả đời của một bậc thầy. Vì thế, thật là một bất công rõ ràng hay một sự xúc phạm dễ dàng khi ca ngợi, hay ít ra là nhắc đến phân tâm học mà không quá coi trọng S. Freud. [8, tr. 35].

b. Hạn chế.

Bên cạnh những đóng góp không thể phủ nhận của học thuyết phân tâm học của S. Freud. Thì học thuyết phân tâm của ông cũng có rất nhiều những hạn chế nhất định. Đó là:

S. Freud đã quá nhấn mạnh đến mặt vô thức trong con người, không thấy được mặt bản chất trong ý thức tâm lý của con người, không thấy được bản chất xã hội – lịch sử của các hiện tượng tâm lý người. Mặt khác, quan niệm về con người và nhân cách con người của S. Freud bộc lộ những khía cạnh không đúng đắn: con người trong học thuyết phân tâm là con người sinh vật, con người cơ thể bị phân ly ra nhiều mảng, con người với những mong muốn là những đam mê tính dục luôn đối lập với xã hội.

Hơn nữa, những quan điểm của S. Freud khó được chứng minh bằng thực nghiệm, đồng nhất tâm lý trẻ em với tâm lý người lớn, tâm lý người bệnh và tâm lý người thường.

Thực tế S. Freud chỉ tiến hành quan sát trên phạm vi đối tượng rất hẹp: những người loạn thần kinh thuộc tầng lớp trên tại Vienna. Cái nhìn lệch về bản năng vô thức, về bản chất chống xã hội khá là dễ hiểu. Và đó cũng là lý do tâm lý học S. Freud là tâm lý học về sự giải thoát tình trạng căng thẳng,

chứ không hướng tới sự thăng hoa (như Jung, Adler và các nhà tân S. Freud khác). Đao to búa lớn thì S. Freud phạm chính khiếm khuyết của các triết gia cổ đại: lấy tư biện thay cho bằng chứng khách quan. Vì thế phân tâm học ít được bằng chứng thực nghiệm ủng hộ.

Chẳng hạn khoa học thần kinh không ủng hộ quan niệm giấc mơ là con đường chủ yếu để khám phá vô thức. Nói chung trên 80% số người được hỏi mơ thấy bị treo hay bị săn đuổi. Lẽ nào bị treo lại là ước vọng vô thức của con người? Vì thế giải đoán giấc mơ của S. Freud sai là chính. Không thể đồng ý với ông rằng, ngôi nhà mặt tiền nếu bằng phẳng thì biểu tượng cơ thể nam, xù xì thì ứng với cơ thể phụ nữ; vật dụng dài như cành cây tượng trưng cho bộ phận sinh dục nam, còn vật đóng như bao diêm thì cho bộ phận sinh dục nữ. Càng vô lý hơn nếu quan niệm khi mơ thấy leo cầu thang, lái xe, cưỡi ngựa, đi qua cầu, đó chính là lúc ta mong sinh hoạt tình dục (!).

Quan niệm về phát triển tính dục của S. Freud bị công kích khá dữ dội. Cách giải quyết mặc cảm Odipe hay Electra cũng chịu chung số phận vì dường như thiếu nhân tính và trọng nam khinh nữ. Quan niệm tâm năng thường chọn trái cấm, kể cả bậc sinh thành, là cái nhìn sai lệch về bản chất Darwin của loài người. Theo tiến hóa luận thì bậc sinh thành dám hy sinh tất cả vì sự sinh tồn của con cái, vì đó là cách duy nhất để gien của họ có thể chống chọi với thời gian. Nên ngay từ lúc mới ra đời, một số quan niệm của S. Freud đã bị nhà tâm lý Mỹ John B. Watson, người cha của tâm lý học hành vi, gọi là “tà thuật”.

Tuy nhiên phê phán S. Freud chủ yếu tập trung ở điểm chốt sau đây. Giống như mọi lý thuyết mang phong cách thần thuật khác trong khoa học, phân tâm học có khuynh hướng giải thích tất cả nhưng hầu như không tiên lượng gì. Như lưu ý ở trên, đó là lý do S. Freud hấp dẫn những người nhân văn chủ nghĩa – họa sĩ và nhà thơ, nhà triết học và lịch sử tự nhiên – hơn là

những nhà khoa học thực nghiệm thiên về cái nhìn thực chứng, theo kiểu chỉ thực tiễn cây đời mới mãi xanh tươi. Đánh giá của nhà tâm lý Parisi, năm 1987, có thể là minh họa rõ nhất cho nhận định này: “Tôi không cố cãi rằng S. Freud đúng hay lý thuyết của ông đúng. Nếu buộc phải lựa chọn – đúng hay sai – tất nhiên ai cũng phải thừa nhận rằng S. Freud sai ở nhiều khía cạnh. Nhưng ông sai trong sự phong phú”.

Bên cạnh những mặt tích cực đạt được, học thuyết phân tâm học nói chung và cấu trúc nhân cách nói riêng vẫn còn những hạn chế nhất định. Khi tìm hiểu và nghiên cứu học thuyết, nhiều nhà phê bình nhận xét rằng: những thuật ngữ của S. Freud thiếu chính xác. Chúng có khuynh hướng và những khái niệm tương đối khái quát với quá nhiều ý nghĩa. Hơn nữa, những khái niệm phức tạp dẫn đường cho học thuyết lại không ngắn gọn và có lẽ ta phải đi trên con đường vòng vèo phức tạp để đến được một nhận thức những hành vi đơn giản nhất của con người. Sự phức tạp này không chỉ làm cho học thuyết này trở nên nắm bắt khó khăn mà còn làm chậm đi tiến trình đạt đến mức nhận thức cao hơn.

Nhiều nhà phê bình tranh luận rằng: S. Freud quá chú trọng đến căn bản sinh vật của hành vi, tin rằng những bản năng của xung động bản năng chịu trách nhiệm tối thượng cho toàn bộ những hành động. Khi thực hiện điều đó, S. Freud đã tạo ra cho học thuyết của mình được tổng quát hóa và cho rằng bản năng áp dụng như nhau cho tất cả mọi người. Kết quả của sự nhấn mạnh này là phần lớn phớt lờ những ảnh hưởng của nền văn hóa khác nhau trên nhân cách, chính điểm này đã được nhiều nhà khảo cổ văn hóa và nhiều nhà tâm lý học quan tâm. Có nhiều nhà phê bình tranh luận rằng quan điểm của S. Freud chưa đi sâu đủ để cho thấy có sự ảnh hưởng của những nền văn hóa khác nhau lên hành vi.

Nếu đứng trên góc độ triết học để đánh giá học thuyết phân tâm học và cấu trúc nhân cách của S. Freud thì nó không có đóng góp gì, thậm chí là trái với luận điểm chủ nghĩa Mác. S. Freud lấy vô thức làm cơ sở khoa học để xây dựng khoa học tâm lý và lấy vô thức để giải thích mọi hiện tượng xã hội là điều không thể chấp nhận được.

Nhìn từ góc độ y học thì lý luận của S. Freud là không vững chắc, nó mới chỉ là giả thuyết trong lĩnh vực y học mà thôi. Luận điểm xuất phát chính của ông là tình dục tuổi trẻ. Ông cho đó là nguyên nhân của nhiều bệnh. Luận điểm này không xác đáng và mang tính chủ quan. S. Freud cho rằng những rối loạn tình dục trẻ thơ là nguyên nhân dẫn đến rối loạn thần kinh ở tuổi trưởng thành. Mặc dù chưa có ai bác bỏ được quan điểm này của S. Freud một cách thành công, nhưng chúng ta cũng thấy không phải bất kỳ bệnh thần kinh nào cũng xuất phát từ rối loạn tình dục tuổi thơ. Nhiều bệnh tâm thần gắn liền với điều kiện gia đình và xã hội mà cá nhân sống. Ông cho rằng, tình dục là lĩnh vực không ý thức được. Do đó trong quá trình chữa bệnh ông thường gọi cho bệnh nhân nói về quá khứ của mình. Trong quá trình đó nếu bệnh nhân dừng lại, đó chính là dấu hiệu từng trải của họ, vì vậy, thầy thuốc cần tập trung khai thác. Qua đó chúng ta thấy luận điểm trong y học của S. Freud đều chưa có cơ sở khoa học xác đáng, cần phải có sự nghiên cứu làm sáng tỏ hơn. Mặt khác liệu pháp phân tâm học do S. Freud đưa ra có người lại cho rằng thời gian điều trị quá dài, đắt tiền và hoàn toàn có khả năng không hiệu nghiệm.

Nếu so sánh về mặt tâm lý học của S. Freud với Mácxít thì nó hoàn toàn đối lập. Mô hình nhân cách trong học thuyết phân tâm học của S. Freud tách biệt hoàn toàn nhân cách với những điều kiện xã hội của sự hình thành nhân cách, đề cao cái vô thức, cái sinh vật lên hàng đầu, cho rằng cái sinh vật và vô thức là yếu tố quyết định đến sự hình thành nhân cách. Đối tượng cơ bản của

tâm lý học không phải ý thức mà vô thức. Ông đã tuyệt đối hóa bản năng tình dục của con người, đặc biệt là tính dục trẻ thơ. Coi sự thỏa mãn tình dục là động lực của hoạt động. S. Freud giải thích mọi hiện tượng của đời sống xã hội thông qua tình dục. Mọi hiện tượng xã hội, tệ nạn, chiến tranh đều do bản năng tình dục gây nên. Điều đó không thể chấp nhận được.

Tóm lại: Khó mà chấp nhận học thuyết của S. Freud trong toàn bộ của nó vì mang tính chất duy tâm lý và duy tính dục, tức là giải thích mọi việc bằng tâm lý và tính dục. Toàn bộ sự phát triển tâm lý chỉ gắn liền với kinh nghiệm thời bé, không đếm xỉa gì đến sự khác biệt giữa cá nhân về di truyền, và trong lĩnh vực tâm bệnh học nó không kể đến những yếu tố thực thể. Học thuyết được xây dựng trên cơ sở lâm sàng với những bệnh nhân hysteri thì các lý giải thường khiên cưỡng. Về phương pháp luận, hễ thấy điều gì có khả năng chấp nhận là đã thỏa mãn và không hề tìm cách chứng nghiệm phản bác. Một luận điểm chưa được chứng minh thì đã đề ra một luận điểm mới. Lý luận không dùng để dự đoán sự việc, mà chỉ để giải thích những gì quan sát được.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 1

Vấn đề vô thức không phải là vấn đề được S. Freud đề cập một cách nghiêm túc lần đầu tiên. Trước đó cũng có nhiều nhà khoa học, triết học, tâm lý học... nghiên cứu về vấn đề này như: Descartes, La Rochefoucauld, Leibniz, Schopenhauer, Nietzsche. Công lao lớn nhất của S. Freud chính là đã hệ thống hóa, đưa ra phương pháp nghiên cứu và cách lý giải về vô thức.

Vô thức (*cái ấy- Id*) là khối bản năng, trong đó bản năng tính dục giữ vị trí trung tâm, là một thùng năng lượng chứa đựng những khát vọng bản năng mù quáng. Nguyên lý hoạt động của nó là thỏa mãn ngay lập tức những khát vọng bản năng. Theo S. Freud vô thức là những ham muốn hay những biểu tượng bị dồn nén, kiểm duyệt, đó là những hoạt động bản năng hoạt động theo nguyên tắc khoái cảm, tuy nhiên nó không biểu hiện trực tiếp bằng hành động thường xuyên, nhưng lại ngấm ngấm chi phối, điều khiển hành vi con người. Với những hành vi ấy con người lại không thể điều khiển bằng ý thức của mình được. Nó xuất hiện một cách bất ngờ, ngoài dự định của chủ thể, mà người ta thường gọi là những hành vi sai lạc như sự lãng quên, nói nhịu, lỡ lời, đọc sai, viết sai, hành vi ngẫu nhiên. Vô thức chiếm một vị trí rất lớn so với ý thức, nó quyết định đời sống tinh thần của con người. S. Freud đã xem vô thức như là một phần của tầng băng, không thể thấy được, không thể cảm nhận được và phần chính tâm linh của con người được ẩn náu trong cõi vô thức ấy. Qua nhiều thử nghiệm, S. Freud đã chứng minh được vai trò của vô thức và ông đã đi đến kết luận: có sự hiện diện của vô thức và nó can thiệp vào ý thức của chủ thể dưới hình thức phản ánh có kỳ hạn. Nguồn gốc của vô thức là những bản năng nguyên thủy mang tính sinh vật, nó sinh ra trong quá trình phát triển chủng loại.

Ngoài ra S. Freud còn khẳng định, những ước mơ thèm khát, những dục vọng không được thỏa mãn bị dồn nén, tích tụ sẽ trở thành vô thức.

Vô thức được sinh ra trong quá trình dồn nén, tích tụ thèm khát, những dục vọng không được thỏa mãn ở đời sống thường nhật thì được giải tỏa trong giấc mơ. Vì vậy giấc mơ không gì khác hơn là sự biểu lộ phản ứng của những ý thức chưa được thỏa mãn. Theo S. Freud giấc mơ có ở người lớn lẫn trẻ con. Trong quá trình nghiên cứu giấc mơ, S.Freud kết luận: “có một cái gì đó đã góp phần vào những gì còn sót lại trong ngày và cái đó chính là một ham muốn mạnh mẽ nhưng bị dồn ép và chỉ có sự ham muốn này mới gây ra giấc mơ thôi” [27, tr. 271]. S. Freud đã lấy vô thức làm cơ sở để giải thích mọi hiện tượng xã hội.

Phân tâm học của S. Freud ngay từ khi mới ra đời đã có một số phận đặc biệt. Nó được đánh giá với nhiều thái độ khác nhau, sự ghê lạnh của giới y học và xã hội, đồng nghiệp xa lánh và bắt bỏ ông. Nhiều người còn đe dọa bỏ tù ông, lên án ông là kẻ tội phạm lớn nhất đối với nền văn hoá Châu Âu. Nhưng không ai có thể phủ nhận được tầm quan trọng, ý nghĩa ứng dụng thực tiễn sâu rộng của học thuyết phân tâm. Những nghiên cứu của S. Freud vẫn còn có giá trị ứng dụng phổ biến cho đến ngày nay

CHƯƠNG 2

Ý NGHĨA CỦA QUAN ĐIỂM S. FREUD VỀ VÔ THỨC

Có thể nói rằng học thuyết phân tâm học mà cốt lõi là vấn đề vô thức có sự ảnh hưởng đến rất nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống con người. Tuy nhiên trong giới hạn luận văn này tác giả chỉ đề cập đến một vài ý nghĩa của vấn đề trên một số lĩnh vực. Đó là:

2.1. VÔ THỨC – NHỮNG GỢI Ý VỀ MẶT KHOA HỌC.

Ngày nay, thuật ngữ "Phân tâm học" cùng với tên tuổi của người sáng lập nó là Sigmund Freud đã trở lên quá quen thuộc đối với nhiều người. Trong khi những tên tuổi vĩ đại khác của khoa học tâm lý như W. James, J. Watson, J. Piaget, L.X. Vygotski... ít được biết đến ngoài phạm vi tâm lý học, thì S. Freud nổi tiếng đối với nhiều tầng lớp, nhiều lĩnh vực: tâm lý học, giáo dục học, y học, văn học - nghệ thuật, tôn giáo, đạo đức v.v... 40 năm sau ngày mất của ông, tạp chí "News week" đánh giá rằng tư tưởng của S. Freud đã đi sâu vào ý thức của chúng ta đến nỗi "khó mà tưởng tượng được thế kỷ XX lại thiếu ông" (30/11/1981). Ông thuộc về một trong số ít nhà tư tưởng đã làm thay đổi căn bản cái nhìn của chúng ta về bản thân mình.

Chính S. Freud, sinh thời, đã có lần cho rằng, trong suốt lịch sử của loài người, đã trải qua 3 cú sốc lớn. Cú sốc đầu tiên do nhà thiên văn học người Ba Lan Nicolas Copernicus (1473 - 1543) mang đến, người đã chứng minh rằng trái đất không phải là trung tâm của vũ trụ, mà chỉ là một trong rất nhiều hành tinh quay xung quanh mặt trời. Phát hiện thứ hai vào thế kỷ XIX, học thuyết của Charles Darwin, người đã chỉ ra rằng, con người không phải là một loài độc đáo, khác hẳn với tất cả thế giới động vật, do vậy, họ không thể tham vọng chiếm một vị trí đặc biệt trong tự nhiên. Con người chỉ là một loài động vật cao cấp, xuất hiện trong quá trình tiến hóa từ những loài thấp hơn. Cú sốc thứ ba do chính S. Freud tạo ra, khi ông phát hiện, chúng ta không luôn ở

trong trạng thái có thể kiểm soát được bản thân một cách tuyệt đối nhờ ý thức. Ngược lại, chúng ta là một thứ đồ chơi trong tay của những sức mạnh vô thức, không chịu sức ép đặt của ý thức. Như vậy, Copernicus đã dịch chuyển loài người từ trung tâm của thế giới ra ngoại vi, Darwin buộc con người phải công nhận họ hàng tiền thân với động vật, còn S. Freud chứng minh rằng, ý thức không phải là chủ nhân trong chính ngôi nhà của mình. Lời khẳng định của S. Freud không phải không có lí. Kể từ khi thuyết phân tâm ra đời đến nay, ở phương Tây, không một lý thuyết khoa học nào có tác động mạnh mẽ đến suy nghĩ của mọi người hơn lý thuyết này, ngoại trừ lý thuyết về sự tiến hoá của Ch. Darwin.

Có thể khẳng định rằng vấn đề vô thức mà S. Freud nêu ra có một ý nghĩa và ảnh hưởng sâu rộng. Khi nghiên cứu, đánh giá vấn đề vô thức chúng ta nghiên cứu nó trên nền tảng ba quan điểm sau:

Thứ nhất: phân tâm học không phải là một trào lưu triết học đúng nghĩa mà nó là tâm lý học phân tích. Vì vậy xem xét phân tâm học ở góc độ triết học là xem xét những vấn đề của con người về nguồn gốc, động lực và khả năng hoàn thiện và vấn đề nhân sinh quan.

Thứ hai: Trong phân tâm học vấn đề trung tâm và quan trọng nhất là vấn đề vô thức, vì tất cả những vấn đề còn lại của phân tâm học như tính dục, nhân cách... đều xoay quanh vấn đề vô thức và từ vấn đề vô thức mà ra. Vì vậy khi ta nghiên cứu vấn đề vô thức chính là đã đi vào vấn đề cốt lõi, trọng tâm của phân tâm học.

Thứ ba: Về lý luận nhân cách của S. Freud không đơn thuần thuộc phạm vi của tâm lý học mà còn một phần thuộc đối tượng nghiên cứu của triết học.

Trên nền tảng của ba quan điểm trên có thể thấy:

Ý nghĩa quan trọng đầu tiên mà S. Freud đem lại đó chính là công lao của ông trong việc chuyển từ tâm lý học cổ điển sang tâm lý học hiện đại, hay

tâm lý học phân tích. Trên bình diện tâm lý học, ở nước ta phân tâm học được nghiên cứu ít hơn các học thuyết khác. Nguyên do là việc tìm hiểu thuyết này thường gặp khó khăn từ ba phía. Trước hết, hướng tiếp cận của phân tâm học không giống các học thuyết tâm lý truyền thống. Những khái niệm và phương pháp của các trường phái tâm lý học đương thời đều được sinh ra trong phòng thí nghiệm, trong thư viện và trong các bài giảng ở giảng đường đại học. Ngược lại, phân tâm học hầu như không có quan hệ với các giảng đường đại học và với lý tưởng của khoa học đơn thuần. Nó được sinh ra trong lòng của tâm thần học truyền thống, có nhiệm vụ giúp đỡ những người mà xã hội cho là "bệnh nhân tâm lý". Chính vì thế sự thâm nhập của phân tâm học vào làng tâm lý học không phải bằng cửa trước, mà bằng cửa bên. Chính xác hơn, không thể so sánh nó với các trường phái khác. Nó có lãnh địa riêng trong sự khám phá thế giới tâm hồn con người. Phân tâm học, ngay từ cội nguồn đã không cùng dòng chảy với các tư tưởng tâm lý học chính thống. Đối tượng của nó không phải là hành vi bình thường mà là hành vi bất thường, điều mà các trường phái tâm lý học khác ít quan tâm. Phương pháp chủ yếu của nó là quan sát lâm sàng, chứ không phải là những thí nghiệm được kiểm soát trong phòng thí nghiệm. Ngoài ra, phân tâm học còn quan tâm nhiều đến vô thức - một đề tài mà hầu như bị loại bỏ bởi các trường phái tâm lý học đương thời.

Thứ hai: các nội dung nghiên cứu, các khái niệm, thuật ngữ được sử dụng trong phân tâm học thường bị "cấm kị", dễ gây "dị ứng" đối với sinh hoạt văn hoá đời thường của xã hội, đặc biệt là trong xã hội tôn giáo phương Tây và phong kiến phương Đông. Thứ ba, các luận giải của S. Freud rất tinh tế, phần nhiều được rút ra từ kỹ thuật lâm sàng, hầu như không có sự lượng hoá, thống kê, những nội dung tâm lý được trình bày ở điểm giáp ranh giữa khoa học và suy diễn tư biện, nếu được chứng minh, chúng sẽ là phát hiện lớn lao về những điều sâu thẳm trong thế giới đời sống tâm lý con người, nhưng nếu thái

quá chúng rất dễ trở thành tín điều phi khoa học. Vì vậy, để có cái nhìn khách quan về phân tâm học, về sự kế thừa, sáng tạo và cống hiến của S. Freud, cũng như giá trị khoa học của các lý luận, phương pháp và kỹ thuật phân tâm của ông, cần phải nhìn nhận học thuyết này theo góc độ lịch sử.

Mặt khác, giống nhiều thuyết tâm lý học khác, trong quá trình phát triển, phân tâm học thường xuyên chịu sức ép từ hai phía: sự phát triển và phân hóa từ bên trong và sự phân bác từ bên ngoài. Ngay sau khi ra đời, học thuyết này đã phân hoá thành nhiều “nhánh”: Tâm lý học bề sâu của J.Jung (nhà tâm lý học Thụy Sĩ 1875-1961); Tâm lý học cá nhân của Alfred Adler (nhà tâm lý học Áo gốc Australia 1870- 1937); Lý thuyết về sự phát triển tâm lý xã hội của Eric Ericson (nhà tâm lý học Mỹ gốc Đức 1902-1994); Phân tâm học trẻ em của Anna Freud (1895-1982) và Mélanie Klein (1882-1960)...

Ý nghĩa thứ hai là: Khi nghiên cứu vấn đề vô thức, không giống như triết học truyền thống cũng như các trào lưu tâm lý khác hoặc phủ nhận vai trò của vô thức hoặc không thấy hết được vai trò thực sự của vô thức, coi vô thức chỉ là dấu lặng của tâm hồn con người, là thụ động, là cái không thể biết, là quá khứ đã bị chôn vùi không có tác dụng gì hết. Thiên tài S. Freud đã xác định đúng vai trò của vô thức trong đời sống của con người là giải tỏa những dồn nén của xung lực libido. Vô thức này bao gồm tất cả những thúc đẩy bản năng, mà những cưỡng chế xã hội và văn hóa đã chôn vùi và “bịt miệng” nhưng không thể hủy diệt được. Cũng thuộc phạm vi vô thức tất cả những kinh nghiệm đau đớn của tuổi thơ, những kinh nghiệm này đã bị lãng quên từ lâu. Và chính quan điểm về vai trò của vô thức của S. Freud đã được khoa học hiện đại chứng minh. Triết học Mác – Lênin khẳng định:

Vô thức là những hiện tượng tâm lý không phải do lý trí điều khiển, lĩnh vực vô thức là lĩnh vực các hiện tượng tâm lý nằm ngoài phạm vi của lý trí mà ý thức không kiểm soát được trong một lúc nào đó. Chúng liên

quan đến những hoạt động xảy ra bên ngoài phạm vi của lý trí hoặc chưa được con người ý thức đến.

Nói cách khác, vô thức là những trạng thái tâm lý ở chiều sâu, điều chỉnh sự suy nghĩ, hành vi, thái độ ứng xử của con người mà chưa có sự tranh luận nội tâm, chưa có sự truyền tin bên trong, chưa có sự kiểm tra, tính toán của lý trí. Vô thức biểu hiện ra thành nhiều hiện tượng khác nhau như bản năng ham muốn, giấc mơ, bị thôi miên, mặc cảm, sự lơ lờ, nói nhịu, trực giác... Mỗi hiện tượng vô thức có vùng hoạt động riêng, có vai trò, chức năng riêng, song tất cả đều có một chức năng chung là giải tỏa những ức chế trong hoạt động thần kinh vượt ngưỡng nhất là những ham muốn bản năng không được phép bộc lộ ra và thực hiện trong quy tắc của đời sống cộng đồng. Nó góp phần quan trọng trong việc lập lại thể cân bằng trong hoạt động tinh thần của con người mà không dẫn tới trạng thái ức chế quá mức như ám ức, “libido”, sự dày vò mặc cảm... Nghiên cứu những hiện tượng vô thức giúp con người luôn làm chủ đời sống nội tâm của mình, có phương pháp kiểm chế đúng quy luật những trạng thái ức chế của tinh thần...[3, tr. 206-207].

Ngày nay chúng ta đang sống trong thời kỳ mà sự phát triển như vũ bão của khoa học công nghệ. Sự phát triển này mang lại cho con người một lợi ích vô cùng lớn lao. Tuy nhiên nó cũng tạo ra áp lực không hề nhỏ đối với con người, làm cho con người luôn có nguy cơ bị stress - một quá trình phức tạp bao gồm các phản ứng sinh lý, tâm lý và ứng xử khi cố gắng thích ứng với các thay đổi, các nhu cầu bên trong hay bên ngoài thường vượt quá khả năng thích nghi hoặc đối phó của một cá nhân.

Ở nước ta đang trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa mạnh mẽ. Bên cạnh những thành tựu mà nó đem lại thì những mặt trái của nó cũng đang gây bất lợi đến chất lượng cuộc sống của chúng ta. Môi trường đang ngày

càng trở nên ô nhiễm, ô nhiễm tiếng ồn, ô nhiễm không khí, khói bụi..., thời tiết thay đổi theo hướng bất lợi... Bên cạnh đó sống trong một xã hội phát triển luôn tạo cho chúng ta áp lực về công việc, về tài chính, về tình bạn, tình yêu... Không những thế những vấn đề về thể chất, sinh lý cũng tạo cho chúng ta những áp lực như: Sự lớn lên vượt bậc của trẻ vị thành niên, sự mãn kinh ở phụ nữ, ốm đau, tuổi già, bị thương, không tập thể dục, thiếu dinh dưỡng và giấc ngủ không đủ để hồi phục toàn bộ cơ thể. Phản ứng sinh lý đối với sự đe dọa và sự thay đổi của môi trường xã hội cũng có thể tạo ra những triệu chứng căng thẳng như căng cơ, đau đầu, đau dạ dày và lo lắng... Đó chính là một trong những nguyên nhân gây nên stress ở con người. Mà hậu quả của nó gây ra là vô cùng lớn.

Theo thạc sĩ, bác sĩ Đào Trần Thái, chủ nhiệm khoa tâm thần trường Đại học Y Dược TPHCM: Những người bị stress mãn tính có rối loạn trầm cảm dễ dẫn đến nguy cơ tự sát, trong đó nam giới có nguy cơ cao đi đến hành động tự sát hơn nữ giới. Ngoài ra, người bị stress mãn sẽ không ngủ được khi có rối loạn về lo âu và có cả nguy cơ suy kiệt về cơ thể lẫn tâm thần. Stress có thể gây ra những hành vi hấp tấp, bốc đồng và làm giảm khả năng kiểm chế trước những hành vi mang tính mạo hiểm cao, hay có thể ức chế hoặc gây trở ngại cho việc ngăn ngừa các hành vi đó.

Ảnh hưởng của stress cũng thể hiện rất rõ trên sức khỏe, stress trầm trọng và kéo dài có thể làm tổn hại hệ miễn dịch và các chức năng sinh lý khác, làm suy yếu khả năng của cơ thể nhằm chống lại bệnh tật cũng như sự xâm nhập của vi rút. Ngoài ra stress mãn tính còn có thể làm nặng thêm các bệnh lý cơ thể hoặc tâm thần sẵn có.

Như vậy có thể nói tiếp cận vô thức của S. Freud là một trong những cách tìm ra nguyên nhân, nguồn gốc và phương thức để giải tỏa stress vì: “vô thức có vai trò và tác dụng nhất định trong đời sống của con người. Nhờ vô

thức, con người tránh được tình trạng căng thẳng không cần thiết do thần kinh khi làm việc “quá tải” [3, tr. 207]. Đồng thời khi nghiên cứu về vấn đề vô thức của S. Freud tạo cho con người cơ sở lí luận khoa học để xem xét và khai thác hết điểm tích cực của vô thức trong đời sống thực tiễn của con người.

Không những thế một trong những nội dung quan trọng của vấn đề vô thức chính là vấn đề tính dục, và vai trò của tính dục trong đời sống của con người. Có thể thấy rằng: Trong cuộc sống, tính dục đóng một vai trò rất quan trọng nó không những liên quan đến nòi giống, hôn nhân hạnh phúc gia đình, mà còn quyết định đến cả sự hình thành và phát triển nhân cách. Vì vậy đặt ra cho chúng ta vấn đề phải xem xét một cách nghiêm túc vấn đề tính dục, không được vòng vo lảng tránh. Đặc biệt ở nước ta hiện nay sự thiếu hiểu biết hay hiểu biết một cách không đúng đắn và đầy đủ về vấn đề tính dục đã gây ra những hậu quả vô cùng nghiêm trọng như: hiếp dâm, nạo phá thai, ly hôn... thì nghiên cứu vấn đề này lại càng có ý nghĩa thiết thực hơn nữa. Đặc biệt, khi nghiên cứu vấn đề vô thức, với sự hình thành của các giai đoạn phát triển tính dục, đã giúp chúng ta đặt ra vấn đề giáo dục giới tính cho con người nói chung, giai đoạn sinh dục nói riêng. Một vấn đề hiện thời đang gây ra nhiều hậu quả đáng tiếc.

Nghiên cứu vấn đề tính dục, S. Freud cho rằng những ham muốn tính dục vô thức là những ham muốn mạnh mẽ nhất, nó ảnh hưởng và chi phối đến mọi hành vi của con người, nó có sức mạnh tiềm ẩn và sẽ bùng phát khi có điều kiện hay những kích thích nhất định. Tuy nhiên, chính những giá trị đạo đức, những chuẩn mực, những quy phạm xã hội (hay chính là cái siêu tôi) đã giúp cho những hành vi thỏa mãn tính dục của con người trở nên có ý thức, phần nào phù hợp hơn với những lợi ích của cộng đồng, xã hội.

Khi nêu lên những quan niệm về tính dục, S. Freud nói riêng và phân tâm học nói chung đã tạo nên một cách nhìn mới về một vấn đề vô cùng kín

đáo và nhạy cảm của đời sống tinh thần nhân loại. Những nghiên cứu khá toàn diện và sâu sắc về vấn đề này cùng những ảnh hưởng của nó lên muôn mặt của đời sống nhân loại đã cho thấy sự ảnh hưởng to lớn của những hoạt động tính dục đối với cuộc sống của con người.

Khi S. Freud nêu lên nguyên nhân của các chứng bệnh thường gặp của con người như nhiễu tâm – hysteria, thì đồng thời cách nhìn nhận về nguyên nhân gây bệnh và cách chữa trị cũng khác so với trước đó và điều này đã đem lại những hiệu quả đặc biệt cho những bệnh nhân thời bấy giờ. Nguyên nhân ma quỷ đã được loại ra và nguyên nhân đích thực đó là do những ham muốn tính dục không được thỏa mãn trong con người. Sự nhìn nhận đánh giá như vậy đã đem lại cho những bệnh nhân một vị trí mới trong xã hội. Họ không còn bị xem là hiện thân của ma quỷ nữa, cách chữa trị cũng không còn là hành hình hoặc giam cầm như những tù nhân. Đó là những điều mà phân tâm học đã đem lại, nó thật sự là một luồng gió mới cho quan niệm nhân văn của quan niệm tính dục chung của nhân loại. Không những thế, về mặt y học, học thuyết phân tâm học S. Freud đã đưa ra phương pháp chữa bệnh tâm thần mới, khám phá từ những mặc cảm vô thức và từ đó đưa ra phương pháp chữa trị bệnh tâm thần. Ông đã chỉ ra một số hiện tượng vô thức, trên cơ sở đó ông đề xuất phương pháp chữa bệnh tâm thần có chú ý đến qui luật tâm lý – lâm sàng, đặc biệt chú ý đến quá trình hình thành cái vô thức và vai trò của nó đối với hành vi con người. Những khám phá của S. Freud đã giúp cho vô số bác sĩ lâm sàng đương đầu một cách trí tuệ với những thách thức gian khổ trong công việc của họ, gây tác động đến trình tự nhận thức dựa vào những gì có thể làm họ bối rối hoàn toàn. Học thuyết của S. Freud đã giúp cho bác sĩ chuẩn đoán đúng căn bệnh tâm thần của người bệnh, và tìm ra sự trị liệu giúp cho người bệnh chóng hồi phục. Phân tâm học đã trở thành một kỹ thuật trị bệnh và cũng là một ngành học trên khắp thế giới. Ngày nay nó vẫn được các bác

sỹ áp dụng một cách có hệ thống cho việc điều trị bệnh nhân của họ. Điều trị bằng phân tâm học cho những người bị rối loạn nhân cách là một quá trình phức tạp kéo dài.

Khi chia ra các thời kì phát triển (môi miệng, hậu môn, sung bái dương vật, tiềm phục, dậy thì) đã cho ta thấy một cách khá toàn diện rằng mỗi giai đoạn trong đời sống con người đều có những ham muốn tính dục khác nhau nhưng nó luôn hiện hữu. Qua đó, mỗi hoàn cảnh, mỗi xã hội, mỗi giai đoạn có thể tìm cách nào đó để có thể giúp con người giải tỏa được phần nào những ham muốn, tránh được những dồn nén sinh bệnh tật.

Cũng qua việc phân tích các giai đoạn mà phân tâm học có thể tạo điều kiện cho các nhà giáo dục cũng như các nhà hoạch định chính sách xã hội có những cách thức giáo dục và xây dựng các thiết chế pháp luật một cách phù hợp với những điều kiện và những mong muốn tính dục của con người.

Khi nghiên cứu các cách thức thỏa mãn, phân tâm học đã cho ta thấy được sự phong phú của đời sống tính dục nhân loại, chính những nghiên cứu sâu vào các hiện tượng tính dục lệch lạc của S. Freud mà bức tranh toàn cảnh với những gam màu tối trong hoạt động tính dục nhân loại đã dần hiện ra. Những gì mà từ trước tới nay bị xem là bệnh hoạn và bản thiu và thường bị dấu nhẹm đi hoặc bị lên án kịch liệt thì nay đã được đưa ra ánh sáng với những kiến giải và những phương pháp chữa trị. Điều đó đã giúp phần nào các nhà giáo dục, các nhà hoạch định chính sách, xây dựng thiết chế pháp luật có những cơ sở và điều kiện để thực hiện công việc của mình một cách hiệu quả hơn.

Với việc thừa nhận hình thức thỏa mãn tính dục bằng thăng hoa vào văn học, nghệ thuật, hội họa, âm nhạc, nghiên cứu khoa học... S. Freud đã cho nhân loại thấy rằng nguồn năng lượng libido nếu được hướng vào những mục đích nhất định thì sẽ mang lại hiệu quả cực kỳ to lớn, chính hình thức này đã

góp phần giúp con người ngày càng thoát khỏi những gì còn sót lại của thời kỳ mộng mị. Những tác phẩm vĩ đại thường là kết quả của sự thăng hoa vô thức, những ham muốn tính dục không được thỏa mãn ở hiện thực đã được hướng vào lĩnh vực nghiên cứu sáng tạo và đã cống hiến cho nhân loại những tác phẩm, công trình vô giá.

Bằng việc giải thích giấc mơ cũng là một hiện tượng tính dục được thỏa mãn, S. Freud đã cho nhân loại thấy rằng chính những ham muốn không được thỏa mãn ở thực tế đã tìm cách giải phóng vào trong những giấc mơ chứ không phải là “những lời báo mộng”, “những sự đe dọa” từ các lực lượng siêu nhiên chi phối đời sống tinh thần con người. Những lý giải của phân tâm học đã làm sáng tỏ phần nào yếu tố thần bí, thậm chí hoang đường trong mỗi giấc mơ, điều này giúp cho con người có nhiều hiểu biết hơn về những cơn mộng mị và ít bị chi phối hơn trong đời sống sinh hoạt hàng ngày.

Với cơ chế bù trừ siêu việt, phân tâm học cho nhân loại thấy rằng những người khiếm khuyết không hẳn đã là thua kém và chịu thiệt thòi. Chính những khiếm khuyết nơi cơ thể được họ bù trừ ở những lĩnh vực khác và trở nên siêu việt mà có thể vượt qua được cả khả năng của người bình thường và cả con người. Vì lẽ đó mà cần có cái nhìn mới mẻ, công bằng và thiện cảm hơn với người khuyết tật chứ không nên xem họ là gánh nặng của cộng đồng và xã hội. Tạo điều kiện cho họ hòa nhập cộng đồng và cho họ cống hiến sáng tạo cũng là một cách để giúp cho những người đó vượt qua được mặc cảm và thực hiện quyền con người.

Thừa nhận tôn giáo cũng là một hình thức thỏa mãn tính dục của nhân loại, S. Freud đã vén bức màn bí mật mà suốt cả thời gian dài nhân loại đã bị huyền hoặc bởi những giáo lý, lễ nghi và những lời hứa hẹn về một thế giới phi hiện thực. Tôn giáo giúp cho con người giải thoát được những dồn nén tính dục nhưng không phải là ở thực tế bởi vậy phần nào đó như S. Freud nói,

đã làm nghèo nàn trí tuệ nhân loại, làm chậm bước tiến tới khoa học và văn minh. Những mặt trái của tôn giáo đã được ông vạch ra giúp cho con người có những cách nhìn nhận khác về nó cũng như các lễ nghi phong tục ở các vùng miền quốc gia dân tộc... và xem đó không phải con đường duy nhất và đúng đắn nhất để đem lại hạnh phúc cho con người.

Một trong những ý nghĩa quan trọng khác của học thuyết phân tâm của ông đó chính là vấn đề nhân cách. Theo S. Freud, nhân cách được hình thành từ ba yếu tố đó là: cái ấy, cái tôi và cái siêu tôi. Trong đó cái ấy (Id - vô thức) là khối bản năng, trong đó bản năng tính dục giữ vị trí trung tâm, là một thùng năng lượng chứa đựng những khát vọng bản năng mù quáng. Nguyên lý hoạt động của nó là thỏa mãn ngay lập tức những khát vọng bản năng. Cái tôi là bước đệm giữa cái ấy với thực tế mục đích, thế giới bên ngoài. Trái với tính chất kiểm chế sự khoái lạc của cái ấy, cái tôi hoạt động theo nguyên tắc hiện thực, trong đó năng lượng bản năng được kiểm chế để duy trì sự an toàn của cá nhân và giúp hội nhập một người vào xã hội. Cái tôi cũng là chỗ dựa của khả năng nhận thức cao hơn như trí năng, suy nghĩ, lập luận và học tập. Còn cái siêu tôi - Superego hoạt động theo nguyên tắc kiểm duyệt. Là nhân tố đạo đức trong nhân cách. Bao gồm mọi khái niệm xã hội về cái đúng, cái sai, cái tốt, cái xấu. Cấu trúc nhân cách sau cùng phải phát triển, miêu tả cái đúng cái sai trong xã hội khi được truyền từ bố mẹ, thầy cô và những nhân vật quan trọng khác cho một người. Cái siêu tôi trở thành một bộ phận nhân cách khi trẻ học tập với những điều tốt từ điều xấu và trực tiếp phát triển con người khi bắt đầu kết hợp chặt chẽ với các tiêu chuẩn của riêng mình các nguyên tắc đạo đức bao quát của xã hội mình đang sống.

Như vậy trong kết cấu nhân cách này của S. Freud, ông đã thấy được mối liên hệ giữa ý thức cá nhân, ý thức xã hội và đời sống xã hội trong việc

hình thành nhân cách của con người. Mặc dù quan niệm nhân cách này chưa hoàn toàn đúng bởi theo quan điểm của triết học Mác – Lênin:

Nhân cách là khái niệm chỉ bản sắc độc đáo, riêng biệt của mỗi cá nhân, là nội dung và tính chất bên trong của mỗi cá nhân... Nhân cách vừa là nội dung vừa là cách thức biểu hiện của mỗi cá nhân riêng biệt... Là toàn bộ năng lực và phẩm chất xã hội – sinh lý – tâm lý của cá nhân tạo thành hình thể đóng vai trò chủ thể tự ý thức, tự đánh giá, tự khẳng định và tự điều chỉnh mọi hoạt động của mình [3, tr. 476].

Tuy nhiên tiền đề của S. Freud ở đây chính là ở điểm S. Freud đã đi vào một vấn đề mà xã hội kiêng kị, lảng tránh về nhân cách đó chính là vấn đề tính dục. Quan điểm nhân cách này của ông đã phản bác lại quan điểm duy tâm về nhân cách khi cho rằng nhân cách là sẵn có, là do trời cho.

2.2. VÔ THỨC – NHỮNG GỢI Ý VỀ CÁI NHÌN MỚI TRONG GIÁO DỤC VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC.

Có thể thấy rằng học thuyết phân tâm học của S. Freud (trong đó có học thuyết vô thức) có ảnh hưởng mạnh mẽ đến nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống con người. Trong các lĩnh vực đó thì giáo dục cũng không phải là ngoại lệ. Áp dụng phân tâm học vào trong lĩnh vực giáo dục đúng cách sẽ làm cho hiệu quả của công tác giáo dục đạt được hiệu quả cao hơn, có tính bền vững hơn đặc biệt là với những đối tượng cá biệt. S. Freud chỉ ra rằng: ông thầy dạy học biết những khám phá của phân tâm học sẽ tỏ ra hiểu biết hơn đối với đứa trẻ đang qua những thời kỳ khó khăn nhất là vào tuổi dậy thì, họ sẽ không chấp nhất và quan trọng hoá những dấu hiệu thiên lệch tâm tính, hay “đón mặt”. Họ không tìm những hình phạt quá nghiêm khắc để dập tắt những bản năng ấy mà tìm cách lái vào những mục tiêu văn học, nghệ thuật.

Ông cũng chỉ ra rằng: những biện pháp mạnh chưa bao giờ đàn áp được những bản năng ấy, mà cũng không diệt trừ được chúng; người ta chỉ tạo ra

cho thiếu niên tình trạng dồn nén, mầm mống của những sự suy nhược thần kinh sau này. Phân tâm học cho rằng một quan niệm giáo dục thiếu cận và nghiêm khắc vô ích dễ làm phát sinh những trường hợp suy nhược thần kinh và còn bất lợi cho đứa trẻ về nhiều phương diện khác. Những bản năng dục tình phát triển mạnh mẽ và dồn dập đó, nếu không bị dồn nén ác hại, đàn áp thẳng tay, sẽ là những yếu tố quý giá và hiếm hoi góp phần vào sự cấu tạo tính tình; bản năng sẽ từ bỏ những mục tiêu nguyên thủy để thăng hoa, chúng sẽ hướng về những mục tiêu cao cả hơn. Phân tâm học áp dụng vào giáo dục đã cho phép uốn nắn và cải biến những thiếu niên có khuynh hướng trác nét, đốn mạt.

Nhờ sự phát triển và phổ biến của phân tâm học, ngày nay học đường và trung tâm cải huấn không còn quan niệm sai lầm về những đứa trẻ khó dạy hay “trác nét”. Một phương pháp giáo huấn thích hợp có thể khai thác được những nguồn dục tình dồi dào, dồn dập như nước lũ mà những dấu hiệu trác nét chỉ là hình thức nhất thời. Tùy ông thầy biết tìm đường lối và phương tiện thăng hoa cho bản năng mà nguồn tinh lực đó sẽ lái sang những mục tiêu mới hay dừng lại ở những hình thức sa đọa.

Có thể thấy rằng, lý thuyết vô thức của phân tâm học có một ý nghĩa nhất định với công tác giáo dục đặc biệt là với những học sinh cá biệt. Tuy nhiên, sự áp dụng phân tâm học không hề đơn giản. Bởi nếu không hiểu cặn kẽ vấn đề mà đem áp dụng một cách tùy tiện có thể dẫn đến phản tác dụng. Ví dụ có người tuyệt đối hóa bản năng vô thức, vì vậy áp dụng phương pháp “dưỡng nhi bất giáo”, là buông trôi thả lỏng cho đứa trẻ gặp sao hay vậy, muốn làm gì thì làm; họ phóng đại nguyên tắc kính trọng sự bộc phát của những tiềm năng thiên nhiên và xóa bỏ hết mọi kỷ luật, hết mọi kỷ cương luân lý. Điều này sẽ làm cho đứa trẻ sống ích kỷ chỉ biết có bản thân mình và luôn tìm cách để thỏa mãn những nhu cầu, ham muốn của bản thân. Điều này

đi trái lại với học thuyết của S. Freud... Phân tâm học không hề chủ trương buông cương thả lỏng sự dạy dỗ con em. Chủ trương sự hiểu biết của nhà giáo dục thay vì sự độc đoán, sự câu thúc là một hình thức khuôn phép chứ không phải hình thức buông cương thả lỏng.

Thanh thiếu niên du đãng qua sự xét nghiệm phân tâm học đều là những đứa trẻ bị giáo dục gia đình chênh mảng, cha mẹ không biết đến nhu cầu của con. Người ta còn khám phá ra rằng đứa bé đã trải qua những thảm kịch nội tâm vào thời kỳ dậy thì, thiếu tình thương yêu của cha mẹ, tính tình nó phát triển theo chiều hướng cứng cố của tính gây gổ, phá phách hung bạo. Còn phải kể đến sự đua đòi, sự bất chước. Những đứa cầm đầu thường là những đứa thù đoạn và can đảm liều lĩnh, bởi vậy trẻ khác đồng nhất hóa mình với nó thậm chí chịu tùng phục nó như nô lệ. Đứa trẻ phát triển những khuynh hướng gây gổ và hung bạo. Bình thường uy tín của người cha cản trở không cho những khuynh hướng ấy nảy nở.

Chính những khám phá về bản năng vô thức này của S. Freud đã có một ý nghĩa vô cùng quan trọng trong công tác giáo dục. Đó là:

Trong công tác giáo dục, nhà giáo dục phải biết nắm bắt tâm tư nguyện vọng, đặc điểm tâm sinh lý của học sinh. Giúp họ vượt qua những khó khăn về tinh thần, động viên khích lệ kịp thời để họ có tinh thần học tập, khắc phục khó khăn vươn lên trong cuộc sống. Không nên lúc nào cũng cứng nhắc và cho mình là bề trên và áp đặt với người học.

Đặc biệt trong công tác giáo dục học sinh phân tâm học giúp nhà quản lý hiểu biết hơn đối với những đứa trẻ đang trải qua những thời kì khó khăn của tuổi dậy thì từ đó có cái nhìn đúng đắn về những biểu hiện lệch lạc trong tâm, sinh lý. Vì vậy, sẽ không dùng các hình phạt quá nghiêm khắc để dập tắt những bản năng ấy mà tìm cách lái vào những mục tiêu trong nghệ thuật, thể thao...

Những bản năng dục tình phát triển mạnh mẽ và dồn dập đó, nếu không bị dồn nén, đàn áp thẳng tay, sẽ là những yếu tố quý giá và hiếm hoi góp phần vào sự cấu tạo tính tình; bản năng sẽ từ bỏ những mục tiêu nguyên thủy để thăng hoa, chúng sẽ hướng về những mục tiêu cao cả hơn.

Nhà giáo dục có thể vận dụng phân tâm học để xây dựng phương pháp quản lý, giáo dục học sinh đúng đắn, thích hợp có thể khai thác được những nguồn dục tình dồi dào, mà những dấu hiệu hư hỏng chỉ là hình thức nhất thời. Phân tích các đặc điểm khí chất của người học sẽ góp phần làm cho hiệu quả giáo dục đạt kết quả cao.

Trong công tác giáo dục, người giáo dục rất cần nắm được cảm xúc của người học để có cách ứng xử phù hợp, chia sẻ, thông cảm và hạn chế các cảm xúc tiêu cực, tìm nguyên nhân xuất hiện cảm xúc này để khắc phục chúng. Trái lại, người giáo dục biết kích thích các rung cảm tích cực của người học sẽ làm tăng chất lượng giảng dạy, và hiệu quả công việc.

Cách thức ứng xử, sự quan tâm, cách thức giáo dục của người dạy cũng là một nguyên nhân quan trọng tạo ra các cảm xúc khác nhau ở người học. Khi người dạy nhiệt tình, quan tâm, công bằng với người học,... sẽ tạo ra được các cảm xúc tích cực ở người học. Ngoài ra người dạy cũng cần quan tâm đến tâm trạng và quy luật lây lan tâm trạng trong tập thể người học.

Vì thế khi áp dụng phân tâm học trong công tác giáo dục nên có một chương trình giáo dục cụ thể như tạo ra một môi trường giáo dục thoải mái, tránh sự áp đặt, sức ép về học tập. Thầy cô giáo phải là tấm gương cho các em noi theo. Đồng thời thầy cô phải tạo được ở các em sự tin tưởng để các em có thể tự tin khi tâm sự những điều thầm kín, khó nói để từ đó có cách giáo dục cho phù hợp. Đối với những em học sinh cá biệt, giáo viên cần gần gũi để tìm hiểu hoàn cảnh, khoan dung độ lượng để các em có cơ hội sửa sai, hướng các em vào những hoạt động bổ ích. Để giúp các em có hứng thú học tập, thầy cô

giáo phải chủ động tạo ra nhiều hình thức giáo dục, không phải lúc nào cũng duy trì cách giáo dục truyền thống với những bài giảng khô khan, nhiều kiến thức bắt học sinh phải nhồi nhét mà nên kết hợp với những bài giảng ngoại khóa, thảo luận... tạo điều kiện cho học sinh có cơ hội nói ra những suy nghĩ của mình. Có như vậy các em mới bày tỏ được những thắc mắc của mình trong học tập cũng như trong cuộc sống hàng ngày.

Khi áp dụng phân tâm học vào trong công tác giáo dục một cách thích hợp còn góp phần hình thành nhân cách đúng đắn cho người học. Muốn vậy, trong quá trình giáo dục nhà trường không nên ép buộc học sinh vào một khuôn khổ nhất định mà nên linh hoạt trong cách tổ chức, làm cho học sinh nhận thức đúng vai trò nhân cách của mình đối với mọi người, gia đình và xã hội, hiểu được con đường phát triển nhân cách từ đó mới tạo ra được sự tự do trong phát triển nhân cách nhưng không vượt quá khuôn khổ của nhà trường cũng như pháp luật, nhất là không thể vượt quá những chuẩn mực đạo đức xã hội cơ bản nhất. Nếu tìm hiểu hoàn cảnh của những em học sinh phạm tội, đa số thường rơi vào các em có hoàn cảnh gia đình có vấn đề, hoặc là do bố mẹ ly hôn, hoặc là do bố mẹ không quan tâm đến con cái mà chỉ lo kiếm tiền. Vậy, vấn đề đặt ra ở đây là với những đối tượng đặc biệt như vậy thì nên làm thế nào, nên dùng biện pháp gì để thu lại hiệu quả giúp các em phát triển nhân cách bình thường và trở thành người công dân có ích cho xã hội. Điều quan trọng là làm sao thầy cô và bố mẹ phải làm cho các em biết tự tin vào chính bản thân mình, tránh bị quan mặc cảm. Các em phải thấy được giá trị nhân cách của mình có tầm quan trọng như thế nào, từ đó tự bản thân các em quyết định cho nghề nghiệp của mình trong tương lai. Khi hòa chung vào xã hội các em có thể làm những nghề phù hợp với năng lực bản thân và sẽ được xã hội thừa nhận nếu như bản thân các em khẳng định được nhân cách của mình. Sự tự tin đó sẽ tạo cho các em tinh thần cố gắng phấn đấu về học tập và đạo đức.

Trong thực tế những em học sinh cá biệt thường là những em có kết quả học tập yếu và đạo đức có vấn đề.

Trong công tác giáo dục việc động viên khuyến khích cũng có một ý nghĩa tích cực. Việc động viên khuyến khích, cần phải kịp thời, thường xuyên. Việc động viên khuyến khích và nêu gương kịp thời sẽ làm cho các em hứng khởi, nỗ lực và gặt hái nhiều thành công hơn trong học tập và rèn luyện đạo đức. Bên cạnh đó việc tạo điển hình tốt cũng mang lại thành công không nhỏ trong công tác giáo dục. Trong rèn luyện và giáo dục nhân cách cho học sinh, cần nêu những tấm gương học sinh hiếu học, có tinh thần vượt khó để vươn lên trong cuộc sống. Cần nêu gương những em học sinh biết ăn năn hối cải, tránh xa những cám dỗ để vươn lên trở thành người tốt. Sự khoan dung độ lượng của thầy cô, bố mẹ và bạn bè là nguồn cổ vũ rất lớn cho các em vượt qua khó khăn trở thành những người tốt có ích cho xã hội. Ngoài ra chúng ta có thể áp dụng hình thức khen thưởng bằng vật chất hoặc những biện pháp hữu hiệu. Sự kết hợp giáo dục vận động giữa các tổ chức trong việc rèn luyện và phát triển nhân cách cho học sinh cũng được xem là một biện pháp có hiệu quả tốt.

Hiện nay việc đưa khoa học công nghệ vào phục vụ cho việc giảng dạy của giáo viên ngày càng được coi trọng. Từ trước đến nay việc dạy và học chủ yếu là sử dụng phương pháp truyền thống nên kết quả giảng dạy của giáo viên chưa cao. Chưa thu hút được sự quan tâm đến nội dung của bài học cũng như tầm quan trọng của việc giáo dục nhân cách đối với học sinh. Vai trò của khoa học công nghệ đối với việc giáo dục nhân cách cho học sinh được thể hiện ở khả năng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao, đa dạng trong việc sử dụng các phương tiện giảng dạy (máy chiếu, bảng đĩa, tranh ảnh, hình vẽ, mô hình...) làm sinh động cho bài giảng. Người giáo viên có thể khai thác nhiều

khả năng thích ứng linh hoạt của các phương tiện khoa học công nghệ để nâng cao hiệu quả giảng dạy.

Việc sử dụng khoa học công nghệ nhằm đưa lại kết quả cao trong việc giáo dục nhân cách cho các em, giáo viên phải biết sử dụng linh động nhằm phát huy tối đa sức mạnh tổng hợp của hệ thống phương tiện dạy học, góp phần đạt mục tiêu cao trong các bài học. Phương tiện dạy học hiện đại cũng giúp học sinh kích thích suy nghĩ, làm việc, phát huy được tích chủ động, tự giác, tích cực và sáng tạo. Tạo cho các em thực hiện được nhiều hoạt động giao lưu, độc lập trong suy nghĩ. Ngày nay khoa học công nghệ phát triển mạnh, việc dạy học bằng phương tiện hiện đại càng đóng vai trò tích cực nhằm giúp cho người dạy và người học tiếp cận với nhiều kiến thức mới nhằm phục vụ cho việc dạy đạt kết quả cao hơn. Việc vận dụng tốt các thành quả của khoa học công nghệ sẽ tạo được sự tiếp cận tốt hơn của học sinh đối với các giá trị truyền thống cũng như các giá trị hiện đại mà không nhất thiết phải tiếp xúc trực tiếp. Những bài giảng bằng hình ảnh, những giá trị văn hóa đạo đức truyền thống hàng ngàn năm được tái hiện một cách sinh động. Đó là một trong những cách thức truyền thụ hiệu quả nhất trong giai đoạn bùng nổ thông tin như hiện nay.

Sử dụng đa dạng các nguồn thông tin và các phương tiện truyền thông hiện nay cũng góp phần nâng cao hiệu quả của giáo dục nhân cách cho học sinh. Với việc phát triển ngày càng mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật, thông tin đa chiều và các phương tiện truyền thông ngày càng đa dạng đã giúp cho giáo viên có điều kiện tốt hơn trong việc tìm kiếm thông tin, từ đó tạo nên tính khoa học cao hơn, tạo ra “sức lôi cuốn” tốt hơn của từng bài, tạo được “sự hứng thú” nơi học sinh – những yếu tố quan trọng trong sự thành công của bài giảng.

2.3. VÔ THỨC - NHỮNG GỢI Ý KHOA HỌC CHO VIỆC GIÁO DỤC GIỚI TÍNH HIỆN NAY.

Theo các nhà khoa học, ngày nay tình dục không chỉ đơn giản là phương thức duy trì nòi giống mà còn là một nhu cầu văn hóa, một phần quan trọng không thể thiếu được để tạo nên cuộc sống hạnh phúc của con người, là một trong những nhân tố bảo đảm chắc chắn cho sự vững bền của hôn nhân.

Tuy nhiên không phải bất kỳ loại tình dục nào cũng đem lại hạnh phúc cho con người, có những loại tình dục làm cho con người đau khổ, dẫn vật, suy hoại về đạo đức, nhân cách và suy đồi về nòi giống, đó là tình dục sai lệch hay tình dục bất bình thường, tình dục sa đọa và đồi bại.

Trên thực tế hiện nay, giới trẻ đang phải chịu sự tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng tình dục hoặc “làn sóng tình dục”, nhiều bậc cha mẹ đã phải chịu bất hạnh trước sự đổ vỡ tinh thần và đạo đức của con cái mình chỉ vì tình dục.

Vì thế giáo dục tình dục cho thế hệ trẻ trở nên cần thiết và cấp bách hơn bao giờ hết, nhưng giáo dục thế nào và bắt đầu từ đâu là một vấn đề cần phải suy nghĩ. Để làm được điều đó ta phải thật sự hiểu biết về đối tượng ta nghiên cứu, từ đó đưa ra những biện pháp giáo dục hợp lý.

Theo S. Freud, Vô thức (*cái ấy - Id*) là khối bản năng, trong đó bản năng tính dục giữ vị trí trung tâm, là một thùng năng lượng chứa đựng những khát vọng bản năng mù quáng. Nguyên lý hoạt động của nó là thỏa mãn ngay lập tức những khát vọng bản năng. Lý thuyết vô thức với hạt nhân là libido là lý thuyết đề cập một cách toàn diện những vấn đề liên quan đến hoạt động tính dục của nhân loại, trong đó các độ tuổi khác nhau có những ham muốn thỏa mãn khác nhau, bởi vậy việc vận dụng những điểm hợp lý trong lý thuyết này sẽ giúp cho chúng ta có được nhiều căn cứ khoa học hơn trong việc hình thành quan niệm đúng đắn hơn về tính dục, từ đó có hành vi thỏa mãn tính

dục phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và truyền thống đạo đức, pháp luật của xã hội.

Đối với S. Freud, đời sống tính dục của con người không chỉ đơn thuần là sự sinh sản và các cơ quan sinh dục, mà phải hiểu rộng hơn, đó là những tình cảm mang lại “những khoái cảm, sự dễ chịu, là phút giây sung sướng trong sự thỏa mãn” [33, tr. 168]. Theo S. Freud thì đời sống tính dục (libido) không phải bắt đầu vào tuổi dậy thì mà được biểu hiện rất sớm ngay từ khi con người được sinh ra. Ông chia đời sống tính dục thành các giai đoạn sau:

Ở giai đoạn phát triển đầu tiên: Miệng của trẻ sơ sinh là tiêu điểm vui thú. Trong 12 - 13 tháng đầu tiên, trẻ bú, ngậm vào miệng và cắn bất kỳ thứ gì. Đối với S. Freud hành vi này cho rằng miệng là địa điểm chính của loại vui thú tình dục, nếu trẻ trong thời kỳ ẵm nưã được nuông chiều quá đáng, hay nản lòng trong việc vui thú bằng miệng, thì trẻ có thể cố định trong giai đoạn này. Thể hiện sự cố định có nghĩa là người lớn thể hiện đặc điểm nhân cách liên quan đến giai đoạn phát triển đầu.

Giai đoạn thứ hai: Từ khoảng 12 - 18 tháng đến 3 tuổi là giai đoạn hậu môn. Ở thời điểm này, nguồn vui thú chính ở trẻ thay đổi từ miệng sang vùng hậu môn, trẻ có sự thích thú đáng kể từ việc cố níu và tống phân ra ngoài. Nếu sự học tập vệ sinh đặc biệt đòi hỏi khắt khe thì kết quả là sự cố định. Nếu sự cố xảy ra trong giai đoạn hậu môn thì kết quả là ngược lại. S. Freud cho rằng người lớn thể hiện sự đúng giờ, nghiêm khắc và ngăn nắp - hay là sự không ngăn nắp và luộm thuộm cực kỳ.

Giai đoạn thứ ba: Lúc này trẻ khoảng 3 tuổi, bắt đầu giai đoạn dương vật, có sự thay đổi lớn trong nguồn vui thú sơ cấp của trẻ. Giai đoạn này, sự tập trung vào cơ quan sinh dục và sự vui thú rút ra từ việc vuốt ve cơ quan sinh dục. Đây được xem là giai đoạn quan trọng nhất của sự phát triển nhân cách, theo S. Freud sự xung đột của mặc cảm Odipe. Khi đứa trẻ tập trung sự

chú ý của nó vào cơ quan sinh dục, sự khác biệt giữa giải phẫu nam nữ trở nên nổi bật hơn. Và lại, vào giai đoạn này, S. Freud cho rằng nam bắt đầu phát triển những quan tâm tình dục hướng về mẹ. Còn đối với con gái, quá trình lại diễn ra khác hơn. S. Freud lập luận: Con gái bắt đầu cảm thấy sự đánh thức tình dục hướng về bố. Ở thời kỳ này ông cho rằng cả nam và nữ đang chuyển sang giai đoạn kế tiếp. Nếu khó khăn phát sinh trong thời kỳ này, tất cả các loại vấn đề được cho rằng phải xảy ra, bao gồm hành vi vai trò giới tính không đúng và không có sự phát triển lương tâm.

Đây là giai đoạn quan trọng nhất trong việc phát triển nhân cách. Những biểu hiện quyền luyến tình dục này có rất sớm ở trẻ. Trẻ có thể chú ý đến hình thức của đối tượng khác giới như tóc, quần áo, đặc biệt là đối với trẻ nhi đồng, thiếu nhi đã có hiện tượng này. Trẻ tìm thấy lạc thú trong việc tự kích thích bộ phận sinh dục của mình, và thái độ tiêu cực đối với đối tượng tình dục. Vì vậy cha mẹ luôn phải để ý đến con cái. Trong trường hợp bình thường trẻ tự vệ bằng cách đồng nhất hóa với cha mẹ. Trai bắt chước các hành động và tính cách của người cha, còn trẻ gái lại bắt chước người mẹ. Quá trình đồng nhất hóa với cha hoặc mẹ sẽ dẫn tới tập nhiệm văn hóa, đó chính là quá trình xã hội hóa.

Giai đoạn thứ tư: Thời kỳ tiềm phục, thường diễn ra ở độ tuổi từ 5 đến 6, ở thời kỳ này trẻ chuyển sang giai đoạn trì hoãn kéo dài đến tuổi dậy thì, trong giai đoạn này ít diễn ra sự quan tâm về giới tính. Theo S. Freud, sự quan tâm giới tính ít nhiều chững lại, thậm chí trong tiềm thức. Lúc ấy là thời thanh niên, cảm giác tình dục lại xuất hiện, đánh dấu sự khởi đầu của giai đoạn sau cùng, giai đoạn sinh dục kéo dài cho đến chết. Tâm điểm trong giai đoạn tình dục đang ở thời kỳ chín muồi, tính chất giới tính ở người lớn theo S. Freud định nghĩa là hoạt động giao hợp.

Giai đoạn thứ 5: Thời kì sinh dục, là thời kì sau cùng trước khi thanh thiếu niên trưởng thành, tương ứng với tuổi dậy thì. Đây là lúc những biến đổi tâm sinh lí sâu xa và mạnh mẽ bởi sự hoạt động của nguồn năng lượng libido bị lãng quên ở thời kì tiềm phục trở dậy. Biểu hiện của cơ thể ra bên ngoài là sự tăng trưởng mạnh mẽ của hệ thống sinh sản, vùng sinh dục và hoóc môn. Những cảm đoán không hoàn toàn của xã hội và văn hóa cũng đã gây ra cho trẻ những xung khắc. Bởi vậy “thanh niên có thể công khai bộc lộ libido đối với người khác giới và mục tiêu đầu tiên của xung lực tính dục này là sinh sản” [38, tr. 271]. Lúc này trẻ hướng các hoạt động của mình nhằm mục đích thỏa mãn sự khát dục vào việc thiết lập tình bạn, chuẩn bị nghề nghiệp, yêu đương... Tuy vậy sự bó buộc của xã hội và thái độ mỉa mai hay lạnh nhạt của người lớn sẽ dẫn tới việc trẻ cảm thấy lo âu và sợ hãi.

Như vậy theo quan điểm của S. Freud thì đời sống tính dục của con người xuất hiện cùng với sự xuất hiện bản thân con người. Trong các giai đoạn hình thành và phát triển thì giai đoạn cuối cùng (giai đoạn sinh dục) là phát triển mạnh mẽ nhất, là giai đoạn phát triển để đạt đến sự chín muồi. Thời kỳ này tương ứng với sự phát triển ở tuổi thanh thiếu niên hay là thời kỳ dậy thì. Đây là giai đoạn đánh dấu những thay đổi mạnh mẽ các yếu tố tâm - sinh lí. “Đây là thời gian xảy ra những biến đổi lớn của cơ thể. Rất nhiều những thay đổi khác, như những phát triển về tinh thần, tình cảm và khả năng hòa nhập cộng đồng cũng diễn ra trong giai đoạn này... Đây cũng là giai đoạn chuyển tiếp từ trẻ con thành người lớn trưởng thành” [4, tr. 37].

Giai đoạn này, những biến đổi diễn ra mạnh mẽ, bắt đầu từ những biến đổi sinh lí của tuổi dậy thì và kéo dài cho đến khi gần hoàn thiện các cơ quan trong mỗi người. Đây là lúc thể chất của mỗi người có những thay đổi quan trọng, đặc biệt rõ nhất là chiều cao tăng nhanh và những thay đổi khác nhau diễn ra mạnh mẽ ở mỗi giới. Ở nam giới, sự phát triển diễn ra ở sự thay đổi

chiều cao, hình dáng rắn rỏi khỏe khoắn, giọng võ, mọc râu ria và đã xuất hiện những triệu chứng ban đầu của người đàn ông khi mộng tinh hay thủ dâm. Ở nữ giới, sự thay đổi diễn ra với việc thay đổi hình dáng trở nên mềm mại, uyển chuyển đầy nữ tính, hay e lẹ, rụt rè trước những người lớn và những người bạn khác giới, những đường nét trên cơ thể dần hoàn thiện hơn, dấu hiệu chính thức trở thành thiếu nữ khi các bạn gái hành kinh và các bộ phận sinh dục phát triển đầy đủ hơn. Thậm chí giai đoạn này có nhiều em cảm thấy mặc cảm với cơ thể mình khi các bộ phận trên cơ thể phát triển “quá nóng” hoặc hốt hoảng khi mọi thứ vẫn “im lìm”...

Về mặt tâm lí – tình cảm, đây cũng là thời kì có nhiều biến đổi quan trọng, điều dễ cảm nhận đầu tiên đó là việc các em không còn cảm thấy mình là trẻ con nữa. Các em muốn thoát ra khỏi những quy định và những cấm đoán của người lớn, thoát ra khỏi những ràng buộc trong gia đình cũng như nhà trường. “Do vậy, nhu cầu chính đáng của các em ở lứa tuổi này là đòi hỏi mọi người phải đối xử với mình như người lớn, nghĩa là các em đòi đối xử công bằng, bình đẳng và khước từ mọi sự áp đặt của người lớn” [7, tr. 56]. Giai đoạn này cũng đánh dấu sự độc lập trong suy nghĩ và hành động, thử sức mình trong công việc cũng như trong học tập để chứng tỏ mình là người lớn. Lúc này, lòng tự trọng và tự ái của các em rất lớn, bởi vậy mọi sự xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm, tâm tư tình cảm dù là vô tình hay cố ý đều có thể đẩy cuộc sống của các em sang một hướng khác bất lợi cho mọi người.

Ở thời kỳ dậy thì, các em cũng có những thay đổi nhiều trong mối quan tâm về giới tính và bạn khác giới. Những thắc mắc về giới tính thường được các em quan tâm, nhưng thông thường là tự tìm hiểu hay tìm hiểu trong nhóm, phương tiện các em hay sử dụng nhất hiện nay là sách, băng đĩa, internet... vì vậy, việc cần có những kênh thông tin chính thống cho học sinh là việc làm cần thiết. Đây cũng là lúc các em có những rung cảm đầu đời về

tình cảm, cảm xúc đối với người khác giới. Những rung cảm này thường mạnh mẽ và sâu sắc, nó có thể làm thay đổi cả tính cách, phong cách của các em, nhiều lúc những rung cảm đó vượt qua mọi khoảng cách và cảm đoán dẫn tới việc không làm chủ được bản thân. Trong khi những kiến thức về giới tính và tình cảm còn non nớt thì việc sa ngã là điều khó tránh khỏi, hiện tượng yêu đương quá sớm và quan hệ tình dục bừa bãi xảy ra ngày càng nhiều ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất và nhân cách của các em, hủy hoại cả một thời kỳ với bao hy vọng của gia đình, nhà trường, xã hội.

Đây cũng là giai đoạn đánh dấu những ước mơ hoài bão của các em, các em có những ước mơ riêng có thể là từ thời kì thơ ấu, nay cảm thấy mình đã lớn và bắt đầu việc thực hiện những ước mơ đó một cách thiết thực hơn. Những hoài bão ước mơ dần dần có thể trở thành khát vọng và lý tưởng sống, tuy nhiên đây cũng là giai đoạn mà việc bắt chước bên ngoài khá phổ biến, đặc biệt một số em chưa có ước mơ lý tưởng rõ ràng thường lấy một khuôn mẫu ngoài đời để học theo. Chính vì lẽ đó những ngôi sao, những người nổi tiếng thường được các em xem là thần tượng và mong muốn phấn đấu được như thần tượng đó. Tuy nhiên, việc bắt chước một cách quá lố cũng sẽ dẫn tới việc các em đánh mất vị trí cá nhân trong xã hội, thậm chí là mất nhân cách.

Tuổi dậy thì là đối tượng mà việc thay đổi cả “nội dung” và “hình thức” ở bản thân các em là rất lớn. Việc nhận thức, tìm hiểu về tính dục và giới tính là một việc làm có thật và cần thiết cho quá trình hình thành - phát triển nhân cách của các em.

Như vậy có thể thấy rằng tuổi dậy thì có sự thay đổi vô cùng mạnh mẽ cả về thể chất lẫn tinh thần, trong đó có sự thay đổi về giới. Việc giáo dục cho các em có những hiểu biết về giới tính có một ý nghĩa vô cùng quan trọng. Vì giáo dục giới tính giúp các em:

- Chuẩn bị về tinh thần và khả năng thực tiễn, giúp cho họ phát triển nhân cách toàn diện, biết cách tổ chức và xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, nâng cao chất lượng cuộc sống, góp phần xây dựng và thúc đẩy xã hội phát triển, giàu mạnh.

- Hình thành và trang bị cho các em những tri thức khoa học, thái độ và quan niệm đúng đắn về những hiện tượng của đời sống giới tính, sinh lí tính dục, cấu trúc chức năng của các hệ cơ quan cơ thể. Việc cư xử đúng đắn, phù hợp với mọi người, với người khác giới về những vấn đề đạo đức giới tính, thẩm mỹ giới tính, tình yêu, hôn nhân và gia đình.

- Giúp cho các em biết trân trọng và bảo vệ những giá trị cao cả và thiêng liêng của tình bạn thân thiết và gắn bó, của tình yêu sâu nặng và chung thủy, biết được cái hay cái đẹp của nếp sống văn minh văn hóa.

Vì vậy, giáo dục giới tính góp phần quan trọng làm nhân cách phát triển toàn diện, làm cho con người có điều kiện xây dựng xã hội tốt đẹp, lành mạnh. Vì thế giáo dục giới tính có ý nghĩa to lớn đến việc thực hiện mục đích giáo dục.

Đối với Việt Nam, giáo dục giới tính, tình yêu, tình dục, bình đẳng giới đã được thực hiện nhưng chỉ mới thực sự có một số hiệu quả ở các trung tâm đô thị lớn, còn hầu hết ở nông thôn thì vấn đề này phần nhiều vẫn đang còn bỏ ngỏ. Bạo hành với phụ nữ và trẻ em vẫn đang còn diễn ra, thậm chí là diễn ra nhiều ở nông thôn, miền núi khi ở những nơi này sự nhận thức của người dân đang còn hạn chế cùng với sự thiếu hụt thông tin cần thiết về giới tính, tình dục, bình đẳng giới... đã tạo ra những ngộ nhận và nhiều hậu quả xấu cho xã hội. Cưỡng dâm, hiếp dâm vẫn đang xảy ra, nạn tảo hôn vẫn còn tồn tại... tất cả những điều đó đã và đang làm cho việc thực hiện những chính sách xã hội ngày càng khó khăn. Nguyên nhân của việc chậm trễ trong vấn đề xây dựng quan niệm tính dục đúng đắn cho thanh thiếu niên hiện nay đó là

việc xã hội chưa thực sự coi trọng những nhu cầu và những thắc mắc chính đáng của các em trong vấn đề này. Khi mà cả đất nước đang trong thời kỳ đổi mới, tất cả dường như đang tập trung công sức tiền của ưu tiên cho phát triển kinh tế thì những vấn đề tính dục của thanh thiếu niên đã trở nên thứ yếu. Chỉ đến khi xảy ra những hậu quả đáng tiếc cho xã hội thì khi đó những trách nhiệm và giải pháp mới được bàn đến, và khi đó mọi việc dường như đã muộn màng. Mặt khác trong giai đoạn hiện nay dư luận xã hội cũng chưa nhất quán về việc giáo dục nhận thức và hành vi tính dục cho trẻ em nói chung và thanh thiếu niên nói riêng, sự va chạm giữa quan niệm đạo đức truyền thống và việc giải phóng những ức chế tính dục vẫn còn. Các thiết chế luật pháp chưa đủ mạnh để giáo dục ngăn ngừa và răn đe cho những hành vi tội phạm và lệch lạc tính dục vị thành niên, các trò chơi mang tính bạo lực và kích dâm vẫn tràn lan trên mạng (đặc biệt là các sex game – nơi mà trong đó người chơi có thể đóng vai như thật).

Hiện tượng thỏa mãn tính dục bất chấp hậu quả cũng đã xảy ra ngày càng nhiều đối với thanh thiếu niên khi hiện tượng cướp của giết người và đặc biệt là hiện tượng hiếp dâm ở lứa tuổi này ngày càng gia tăng... Hiện tượng sống thử, nạo phá thai ở lứa tuổi này cũng không phải là nhỏ. Những điều này đã gây ra những hậu quả vô cùng nghiêm trọng đến thể chất, tinh thần cũng như nhân cách của các em.

Nguyên nhân gây nên hiện tượng này thể hiện đầu tiên ở môi trường xã hội, đó là sự hội nhập văn hóa ngày càng mạnh mẽ đã mở ra cho chúng ta cơ hội giao lưu học hỏi nhưng đồng thời với nó là những luồng văn hóa phẩm độc hại và lối sống thực dụng xâm nhập ngày càng sâu vào muôn mặt của đời sống hàng ngày. Quan niệm ngày nay của xã hội nhìn chung đã tương đối thoải mái hơn đối với những vấn đề liên quan đến tính dục. Trong khi đó, đối tượng thanh thiếu niên là đối tượng nhạy cảm nhất với những yếu tố mới mẻ

bên ngoài, mặt khác sự nhận thức các vấn đề còn hạn chế đã dẫn tới việc tiếp thu một cách tràn lan không có sự định hướng hay chọn lọc. Sự tiếp xúc quá dễ dàng với những sách báo “đen”, web “đen”, băng đĩa sex cộng với sự tò mò khám phá “chuyện người lớn” càng thúc đẩy các em lún sâu vào quan niệm tính dục tầm thường và hoạt động tính dục trước tuổi trưởng thành. Quan niệm tính dục sai lầm một phần do sự thiếu thông tin từ những nguồn chính thống.

Chính vì điều đó mà các em chọn cách tiếp cận vấn đề một cách trực tiếp và có phần thoải mái hơn là qua internet, sách báo, phim ảnh... mà phần nhiều trong số đó không phải là chính thống. Vì thế việc tiêm nhiễm thói hư tật xấu, thậm chí trở thành tội phạm là điều dễ xảy ra đối với các em khi mà sự sàng lọc, tiếp nhận thông tin ở lứa tuổi này chưa được tốt.

Nguyên nhân thứ hai là do sự quan tâm không đầy đủ về vấn đề giới tính, tình yêu, tình dục tuổi học trò của gia đình do cha mẹ không có thời gian, hoặc cho rằng đó là những vấn đề tế nhị, thậm chí có phần thô tục... hoặc chính cha mẹ cũng không tự tin về tri thức giới của mình. Ngoài ra những ứng xử của người lớn trong vấn đề này cũng là một yếu tố góp phần hình thành nên quan niệm tính dục đúng đắn hay sai lầm nơi con trẻ. Như sự đối xử bất bình đẳng giữa bố và mẹ, con trai và con gái, bạo hành trong gia đình... là những tấm gương xấu cho nhân cách của trẻ cũng như quan niệm tính dục sai lầm sau này.

Nhà trường cũng là một yếu tố quan trọng góp phần hình thành quan niệm tính dục đúng đắn và khoa học cho thanh thiếu niên. Những kiến thức về giới tính, tình bạn, tình yêu, hôn nhân gia đình, các bệnh xã hội đối với thanh niên... là những nhịp cầu giúp cho các em có được nhận thức đúng đắn về những vấn đề này. Ở trường các em được hòa đồng trong mối quan hệ bạn bè cùng trang lứa, dễ dàng đồng cảm khi có những thắc mắc giống nhau, có thể

cùng nhau tạo nên tiếng nói dễ dàng hơn và có trọng lượng hơn đối với nhà trường trong những vấn đề muốn biết. Nếu không có được những giải đáp và nhận thức đúng đắn, khoa học thì rất dễ “gục ngã” trước những cám dỗ bản năng.

Ngày nay, cùng với điều kiện kinh tế ngày càng phát triển, môi trường giao lưu ngày càng dễ dàng và mở rộng, sự phát triển thể chất sinh lí học sinh cũng sớm hơn, đồng nghĩa với những nhu cầu tìm hiểu và hoạt động tính dục sớm hơn. Lứa tuổi thanh thiếu niên rất nhạy cảm với những thay đổi và những cái mới lạ xảy ra trong đời sống mà đặc biệt là những ham muốn và rung cảm tình dục. Bởi vậy, nhà trường phải là nơi cung cấp cho các em những kiến thức, kỹ năng, và định hướng đúng đắn trong vấn đề tính dục.

Bởi vậy việc tìm hiểu nghiên cứu nhận thức quan điểm tính dục của lứa tuổi thanh thiếu niên sẽ giúp cho chúng ta có được cái nhìn toàn diện và giúp có được những chỉ dẫn cần thiết cho “những chủ nhân tương lai của đất nước”.

Theo quan niệm của phân tâm học S. Freud, nguyên nhân của việc quan niệm tính dục không đầy đủ và thậm chí lệch lạc là do những ham muốn tính dục bị dồn nén. Ông cho rằng trong mỗi con người, cái ấy (id) luôn chứa đựng những ham muốn cần thỏa mãn, trong đó ham muốn tính dục là những ham muốn “nóng bỏng” nhất và nó buộc cơ thể phải tìm cách thỏa mãn. Trong khi cái tôi (ego) ở độ tuổi này chưa thực sự trưởng thành, chưa có chiều sâu và độ chín cần thiết để “kiểm duyệt” và “cấm đoán” những ham muốn vô độ của id đối với vấn đề tính dục. Cái siêu tôi (superego) trong vấn đề này là những định hướng chuẩn mực, những cấm đoán của xã hội về vấn đề tính dục đáng lẽ phải “phối hợp” với cái tôi trong việc hướng dẫn thực hiện những nhu cầu tính dục đúng đắn, ngăn ngừa những biểu hiện nhất thời lệch lạc thì lại chưa thực hiện đầy đủ chức năng của mình. Các cấm đoán và định hướng của xã

hội đối với vấn đề này phần nhiều còn đang bô ngô. Chính những yếu tố đó đã đẩy các em đến những quan niệm tính dục không đúng đắn, bởi vậy cần thiết phải có những yêu cầu, định hướng, chuẩn mực cho các em trong vấn đề quan niệm tính dục. Có quan niệm tính dục đúng đắn sẽ có hành vi đúng đắn, để có hành vi đúng đắn cần phải có nhận thức đúng đắn.

Quan niệm tính dục đúng đắn và khoa học cho các em, đầu tiên đó là cần nhìn nhận những ham muốn tính dục của bản thân một cách đúng đắn và chính xác. Chúng ta biết rằng ở độ tuổi này các em có những biến đổi mạnh mẽ các yếu tố trong cơ thể, xuất hiện những ham muốn là một hiện tượng hoàn toàn tự nhiên. Tuy nhiên những hiện tượng này (yêu đương, ham muốn, lập băng nhóm...) vẫn phần nhiều là do đua đòi chứ nhu cầu thực sự thường rất ít, sự tò mò tính dục đã dẫn tới những tìm tòi thử nghiệm hơn là sự cần thiết phải thỏa mãn.

Việc cần thiết có cái nhìn thiết thực đối với vấn đề tình bạn, tình yêu tuổi học trò cũng là một trong những nội dung quan trọng của việc quan niệm tính dục đúng đắn, tình bạn và tình yêu tuổi học trò là một hiện tượng hết sức tự nhiên và cần thiết đối với quá trình hình thành và phát triển nhân cách của thanh thiếu niên. Tuy nhiên, việc nhầm lẫn giữa tình bạn và tình yêu, yêu quá sớm và lạm dụng quá nhiều yếu tố tình dục trong tình yêu vẫn đang là điều phổ biến hiện nay. Vì vậy vấn đề giáo dục giới tính là hết sức cần thiết.

Theo lý thuyết libido, giáo dục giới tính cho lứa tuổi thanh thiếu niên cần phải giáo dục nhận thức về cơ cấu, chức phận và hoạt động của các bộ phận sinh dục (nam, nữ) để tránh những bất ngờ hoặc sợ hãi (mộng tinh, kinh nguyệt...) khi các em tự mình khám phá. Cần giúp các em có được những kiến thức cơ bản về các vùng kích dâm trên cơ thể, các nguyên nhân gây nên “căng thẳng tính dục” – nguyên nhân gây ham muốn.

Quan niệm tính dục đúng đắn cho lứa tuổi thanh thiếu niên còn bao hàm việc giúp các em có được suy nghĩ và nhìn nhận vấn đề thù dâm như là một hiện tượng bình thường trong đời sống.

Quan niệm tính dục đúng đắn cho các em còn là việc giúp các em có cái nhìn đúng và thiện cảm hơn với hiện tượng tính dục đồng tính ở lứa tuổi này. Quan niệm tính dục đúng đắn cho các em cũng đồng nghĩa với việc tạo ra ở các em cái nhìn đúng đắn về vai trò vị trí của giới trong cuộc sống, tình yêu, hôn nhân và gia đình. Trách nhiệm của từng giới trong vấn đề hướng thụ những rung cảm tính dục cũng như hậu quả của nó đối với sức khỏe và hạnh phúc.

Quan niệm tính dục đúng đắn còn bao gồm việc có ý thức giữ gìn sức khỏe sinh sản vị thành niên một cách tốt nhất, việc giữ gìn sức khỏe sinh sản vị thành niên cũng đồng nghĩa với việc tránh được cao nhất những rủi ro do thiếu hiểu biết trong việc thỏa mãn tính dục mang lại.

Để thực hiện được những điều trên đây nhằm xây dựng cho các em một quan niệm tính dục đúng đắn thì cần phải giáo dục nhận thức cho các em về những nội dung của vấn đề giới tính, tính cách, tình bạn, tình yêu, hôn nhân – gia đình, cũng như những tri thức về sức khỏe sinh sản vị thành niên. Mặt khác cũng cần định hướng hành vi tính dục cho các em qua các phương tiện thông tin, sách báo, phim ảnh, dư luận... để giúp các em tránh “đi sai đường lạc lối”.

Việc phân chia các thời kỳ tính dục trong lý thuyết này cho chúng ta có căn cứ khoa học để giáo dục giới tính cho từng thời kỳ trong đó đặc biệt là thời kỳ sinh dục, (tương đương với thời kỳ dậy thì) bởi đây là thời kỳ đánh dấu những biến đổi mạnh mẽ của những nhu cầu tính dục cũng như các bộ phận sinh dục trong cơ thể cũng như những khả năng tiềm ẩn của những lệch lạc tính dục. Hai khuynh hướng hoàn thiện và lệch lạc luôn tồn tại trong mỗi

cá nhân. Biểu hiện của khuynh hướng hoàn thiện đó là việc các bộ phận sinh dục phát triển một cách bình thường và các yếu tố tâm lý lành mạnh, thoải mái, tự tin trong cuộc sống với những mong ước vươn lên ngày một hoàn thiện hơn trong cuộc sống.

Khuynh hướng lệch lạc biểu hiện ở việc hướng những nhu cầu và ham muốn tính dục của cá nhân vào những hành vi mang tính bản năng, có thể bao hàm sử dụng các bộ phận sinh dục trái với những chức phận của nó. Khuynh hướng này dẫn tới một nhân cách bệnh hoạn, gây nhiều hậu quả xấu cho cá nhân và xã hội. Trong giáo dục giới tính cho các em cần nắm rõ sự phát triển của giai đoạn này để có nội dung và chương trình phù hợp.

Theo lý thuyết libido, nhu cầu tìm hiểu và thỏa mãn tính dục là một nhu cầu chính đáng của thanh thiếu niên, vì vậy giáo dục giới tính cần phải “đối thoại trực tiếp” chứ không nên “lảng tránh” hay “vòng vo” làm cho các em không có đủ “điểm tựa” cần thiết, dẫn tới sự “cô độc” trên bước đường hình thành quan điểm nhận thức tính dục. Khi đó việc “nổi loạn” hay lập nhóm, lang thang đi bụi dẫn tới phạm tội bởi những hành vi thỏa mãn tính dục bất bình thường do thiếu hiểu biết gây nên.

Để thực hiện tốt việc giáo dục giới tính theo lý thuyết libido cha mẹ cần tránh những âu yếm, cử chỉ vuốt ve mà có khả năng gây ra những khoái cảm hoặc những “căng thẳng tính dục” bởi vì “sự thật thì việc cha mẹ quá âu yếm con sẽ trở thành có hại bởi vì điều đó có thể đưa con tới chỗ có một cuộc sống tính dục quá sớm làm trẻ hư đi, và làm nó không thể nào từ chối một tình yêu trong vòng một thời gian hoặc tự thỏa mãn với một tình yêu có điều độ hơn” [40, tr. 134].

Giáo dục giới tính phải giúp thanh thiếu niên “kim hãm và thay thế” những ham muốn tính dục bằng các hoạt động lao động học tập và các hoạt động xã hội có ích khác. Làm được điều này sẽ tạo ra nơi các em phân tán

được những cảm xúc, tiêu hao năng lượng tính dục vào những mục đích đã được định trước dưới sự quản lý giám sát của gia đình, nhà trường và xã hội.

Trong quá trình xây dựng đất nước, chúng ta cần những con người khỏe mạnh cả về thể chất lẫn tinh thần, vì thế việc giáo dục giới tính cho lứa tuổi thanh thiếu niên sẽ giúp các em có được nhận thức và quan điểm đúng đắn từ đó vượt qua được những cám dỗ thấp hèn vươn lên hoàn thiện nhân cách, cống hiến nhiều hơn cho xã hội.

Lý thuyết libido là lý thuyết đề cập một cách toàn diện những vấn đề liên quan đến hoạt động tính dục của nhân loại, trong đó các độ tuổi khác nhau có những ham muốn thỏa mãn khác nhau, bởi vậy việc vận dụng những điểm hợp lý trong lý thuyết này sẽ giúp cho chúng ta có được nhiều căn cứ khoa học hơn trong việc giúp thanh thiếu niên có được quan niệm tính dục đúng đắn hơn, từ đó có hành vi thỏa mãn tính dục phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và truyền thống đạo đức, pháp luật của xã hội.

Bởi vậy việc giáo dục giới tính trong giai đoạn hiện nay còn đồng nghĩa với việc giúp các em thích nghi với hoàn cảnh và dần dần tạo được sự đề kháng đối với những ham muốn tính dục bất bình thường, hướng nhân cách của mình đến với những hành vi, hoài bão, ước mơ cao đẹp. Chính vì vậy, sự phối hợp chặt chẽ giữa gia đình – nhà trường – xã hội là điều kiện tiên quyết cho sự thành công trong công tác giáo dục giới tính cho thanh thiếu niên. Mặc dù mỗi nhân tố đảm bảo một mảng, một lĩnh vực riêng nhưng sự đồng bộ nhịp nhàng giữa ba yếu tố trên đây sẽ đem lại những hiệu quả đặc biệt trong việc tạo quan niệm tính dục đúng đắn cho các em. Điều này cũng được khẳng định trong Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kì quá độ lên CNXH (1991), Đảng ta nhấn mạnh “kết hợp phát huy đầy đủ vai trò của xã hội, các đoàn thể, gia đình, nhà trường, từng tập thể lao động và tập thể dân cư trong việc chăm lo bồi dưỡng hình thành con người mới. Đó là con người có ý thức làm chủ, ý

thức trách nhiệm công dân; có tri thức sức khỏe và lao động giỏi; sống có văn hóa và tình nghĩa; giàu lòng yêu nước và tinh thần quốc tế chân chính” [17, tr. 15].

Như vậy có thể thấy rằng tính dục là một bộ phận vô cùng quan trọng đối với đời sống con người, nó không những liên quan đến nòi giống, hôn nhân hạnh phúc gia đình, mà còn quyết định đến cả sự hình thành và phát triển nhân cách. Đối với thanh thiếu niên, quan niệm tính dục là cách nhìn nhận, suy nghĩ, nhận xét đánh giá của các em về vấn đề tính dục. Từ cách nhìn nhận đánh giá, sẽ quyết định đến nhận thức và hành vi trong việc thỏa mãn các nhu cầu tính dục. Quan niệm đúng đắn hay sai lầm sẽ ảnh hưởng đến nhân cách của các em trong suốt cả cuộc đời. Việc xây dựng quan niệm đúng đắn cho con người nói chung và thanh thiếu niên nói riêng về vấn đề tính dục có một ý nghĩa vô cùng quan trọng. Vì vậy, việc tìm hiểu và vận dụng lý thuyết libido vào công tác giáo dục giới tính cho thanh thiếu niên đồng nghĩa với việc mở ra hướng nghiên cứu tiếp theo trong lĩnh vực nghiên cứu và vận dụng những nguyên lý, tư tưởng, góp phần vào giải quyết những vấn đề thực tiễn, đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay.

Nói tóm lại: “Giới tính là toàn bộ những đặc điểm ở con người, tạo nên sự khác biệt giữa nam và nữ”. [38, tr. 29]. Giáo dục giới tính là một bộ phận hữu cơ của phức hợp các vấn đề giáo dục nhân cách, giáo dục con người mới, con người phát triển toàn diện, kết hợp một cách hữu cơ hài hòa sự phong phú về tinh thần, sự thuần khiết về đạo đức và hoàn thiện về thể xác. Trong cuộc sống, tính dục đóng một vai trò rất quan trọng. Việc giáo dục giới tính là một bộ phận không thể thiếu của giáo dục nhân cách. Nó không những đặt cơ sở các chuẩn mực về đạo đức cho tình yêu, mà còn cung cấp những kiến thức nhất định về sinh học và tâm lý học tính dục.

Bên cạnh đó giáo dục giới tính có liên quan đến vấn đề giáo dục sức khỏe sinh sản là vấn đề đang được quan tâm đặc biệt hiện nay. Nó là một bộ phận quan trọng và có ý nghĩa rất lớn trong giáo dục giới tính.

Ngoài ra giáo dục giới tính có quan hệ mật thiết với mối quan hệ giữa hai giới, với hôn nhân và đời sống gia đình. Giáo dục giới tính cũng là quá trình trang bị cho các em biết cách quan hệ, xử sự đúng mực với người khác giới, biết cách thể hiện mình cho phù hợp với giới tính, có những tư thế tác phong đúng đắn. Giáo dục giới tính còn cung cấp cho thanh niên những kiến thức về mối quan hệ với những người khác giới, về tình bạn khác giới và tình yêu nam nữ, đời sống hôn nhân và gia đình.

Với hôn nhân gia đình nó giúp cho các em những tri thức của đời sống vợ chồng, mối quan hệ với các thành viên trong gia đình, biết cách xây dựng cuộc sống cũng liên quan mật thiết với đời sống giới tính, tính dục, bởi vậy, không nên và không thể tách rời giáo dục giới tính với đời sống gia đình.

Giáo dục giới tính cũng gắn liền với nhân cách con người, với việc phát triển nhân cách toàn diện. Giáo dục giới tính gắn liền với giáo dục nhân cách, đạo đức, là một bộ phận của giáo dục đạo đức, chuẩn bị cho con người bước vào đời sống xã hội.

Giáo dục giới tính làm cho con người có văn hóa, biết làm chủ những hành vi và khát vọng của mình trong quan hệ với người khác giới. Làm cho con người biết tôn trọng người khác, tôn trọng bạn khác giới, từ đó biết tôn trọng bản thân mình.

Giáo dục giới tính làm cho mỗi con người trong cuộc sống biết cư xử đúng mực với mọi người, có hành vi, cử chỉ, tư thế tác phong phù hợp với giới tính của mình theo các chuẩn mực đạo đức, văn hóa xã hội.

Giáo dục giới tính là một bộ phận quan trọng của giáo dục nhân cách, góp phần giúp cho con người phát triển cân đối và toàn diện. Nó giúp cho thể

hệ trẻ những phẩm chất của giới tính, giúp các em có thái độ cư xử đúng đắn, có thái độ, thói quen giao tiếp lịch sự trong quan hệ với người khác giới, chuẩn bị kiến thức và kỹ năng cho các em bước vào đời, bước vào cuộc sống xã hội.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 2

Thuật ngữ "phân tâm học" cùng với tên tuổi của người sáng lập nó là Sigmund Freud đã trở nên quá quen thuộc đối với nhiều người. Sức ảnh hưởng và ý nghĩa của nó bao trùm lên nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống con người. Trong lĩnh vực khoa học với việc khám phá ra vô thức và xác định đúng vai trò của vô thức trong đời sống của con người là giải tỏa những dồn nén của xung lực libido S. Freud đã góp phần chỉ ra nguồn gốc, nguyên nhân và các giải pháp nhằm giải tỏa những dồn nén của con người trong cuộc sống. Nó đặc biệt có ý nghĩa khi chúng ta đang sống trong một thời kỳ có rất nhiều áp lực từ nhiều phía. "Nghiên cứu những hiện tượng vô thức giúp con người luôn làm chủ đời sống nội tâm của mình, có phương pháp kiểm chế đúng quy luật những trạng thái ức chế của tinh thần" [3, tr. 207]. Không những thế ông còn chỉ ra vai trò của tính dục trong đời sống của con người. Ông cho rằng trong cuộc sống, tính dục đóng một vai trò rất quan trọng nó không những liên quan đến nòi giống, hôn nhân hạnh phúc gia đình, mà còn quyết định đến cả sự hình thành và phát triển nhân cách. Vì vậy đặt ra cho chúng ta vấn đề phải xem xét một cách nghiêm túc vấn đề tính dục. Đặc biệt là vấn đề giáo dục giới tính đối với thanh thiếu niên nhằm giúp cho các em chuẩn bị đầy đủ về tinh thần và khả năng thực tiễn trong quá trình hoàn thiện bản thân, nhân cách. Biết cách tổ chức và xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, nâng cao chất lượng cuộc sống, góp phần xây dựng và thúc đẩy xã hội phát triển, giàu mạnh. Nghiên cứu vấn đề vô thức còn có ý nghĩa đối với các nhà giáo dục nhằm tìm ra những phương pháp tốt nhất giáo dục cho người học nhằm đem lại hiệu quả cao trong quá trình giáo dục.

KẾT LUẬN

Sigmund Freud đã phát triển học thuyết khoa học tâm lý về vai trò của vô thức và là người đầu tiên đưa vô thức trở thành thành tố trung tâm của nhân cách. Ông cũng là người đầu tiên hoàn thiện vai trò của khái niệm vô thức trong một học thuyết quá mênh mông, những thành tố cấu trúc, động lực của nhân cách và sự tương tác của chúng được trình bày cẩn thận.

Với những thành tựu khoa học đương thời S. Freud đã thừa kế học thuyết tiến hóa của Darwin; thuyết đơn tử của Leibniz; những luận đề về thân phận con người của Goethe; những quan niệm hoạt động tinh thần con người của Herbart, của Schopenhauer; của Nietzsche; của Frechener. Ông đã đi sâu nghiên cứu sự tồn tại của hoạt động vô thức đối với hành vi con người, sự ảnh hưởng của bản năng tính dục đến đời sống con người cũng như sự hình thành và phát triển nhân cách. Những quan điểm của S. Freud về vô thức được hình thành từ phòng tham vấn chứ không phải từ phòng thí nghiệm. Vì vậy lý thuyết của ông về vô thức vẫn còn nhiều hạn chế. Tuy nhiên bên cạnh những yếu tố cần phải xem xét thì lý luận vô thức của S. Freud cũng có những điểm hợp lý tích cực trong các ngành khoa học, trong giáo dục giới tính, trong công tác giáo dục và nhiều lĩnh vực khác nữa.

Nếu như: Albert Einstein đã làm thay đổi tận gốc sự hiểu biết của chúng ta về thế giới vật lý. Karl Marx nhà cách mạng kinh tế và xã hội buộc nhiều người phải xem lại sự hiểu biết của mình về nền tảng xã hội và mối quan hệ giai cấp xã hội với qui luật kinh tế. Charler Darwin cho thế giới biết về loài người thực sự chỉ là một loại động vật, đơn thuần đại diện cho một giai đoạn tiến triển cao cấp trên bậc thang dài tiến hóa. Copernicus nhà thiên văn học thế kỷ XVI đã bác bỏ trái đất là trung tâm vũ trụ. Thì S. Freud đã làm đảo lộn những quan niệm truyền thống

về đời sống tinh thần, của con người về thế giới, văn hóa, xã hội [4, tr.47].

Có thể nói rằng phân tâm học đã đưa ra cái nhìn mới về con người và hoạt động tinh thần của con người.

Phân tâm học cũng cho ta hiểu được cơ chế hoạt động của vô thức, sự ảnh hưởng của bản năng tính dục đến nhân cách con người nên việc giáo dục giới tính cho thanh thiếu niên nhằm giúp cho các em có những kiến thức cơ bản và hiểu một cách đúng đắn về vấn đề tính dục, để từ đó có những cách ứng xử phù hợp với những người xung quanh và với chính bản thân mình. Tránh được những hoang mang lo sợ trước sự thay đổi mạnh mẽ của tâm – sinh lý. Đặc biệt ngày nay trước thực trạng phạm tội của thanh thiếu niên, những tệ nạn xã hội ở lứa tuổi này nhằm thỏa mãn nhu cầu của mình như trộm cắp, hiếp dâm, đi bụi, nạo phá thai... thì vấn đề này lại trở nên đặc biệt có ý nghĩa. Không những thế nghiên cứu vấn đề vô thức còn giúp các nhà giáo dục tìm ra những phương pháp giáo dục hữu dụng. Giúp các nhà giáo dục nhận ra rằng muốn đạt hiệu quả cao trong công tác giáo dục thì không phải bằng biện pháp cưỡng chế, bắt buộc mà phải hướng các em đến mục đích là các em phải có kiến thức nhất định, có sự hiểu biết và nhận thức được chính bản thân mình, nhận thức đúng những yêu cầu chuẩn mực đạo đức xã hội, biết hành động đúng chứ không phải tạo ra cho mình bộ mặt giả tạo, có như vậy mới thực sự có một nhân cách bình thường.

Triết học Mác – Lênin khi bàn về vô thức đã chỉ ra:

Vô thức có vai trò và tác dụng nhất định trong đời sống của con người. Nhờ vô thức, con người tránh được tình trạng căng thẳng không cần thiết do thần kinh khi làm việc “quá tải”. Nhờ vô thức mà những chuẩn mực con người đặt ra được thực hiện một cách tự nhiên không có sự khiên cưỡng. Vô thức có ý nghĩa quan trọng trong hoạt động giáo dục thế hệ trẻ,

trong hoạt động khoa học và nghệ thuật. Vì vậy, không thể phủ nhận vai trò của cái vô thức trong cuộc sống, nếu phủ nhận vô thức sẽ không thể hiểu đầy đủ và đúng đắn về con người.

Tuy nhiên, không nên cường điệu, tuyệt đối hóa và thần bí hóa vô thức. Không nên coi vô thức là hiện tượng tâm lý cô lập, hoàn toàn tách biệt khỏi hoàn cảnh xã hội xung quanh và tuyệt nhiên không phải nó không có liên hệ gì đến ý thức. Thực ra vô thức là vô thức nằm trong con người có ý thức, con người là một thực thể có ý thức. Giữ vai trò chủ đạo trong hoạt động của con người là ý thức chứ không phải là vô thức. Nhờ có ý thức mới điều khiển được các hiện tượng vô thức hướng tới chân, thiện, mỹ. Vô thức chỉ là một mắt khâu trong cuộc sống có ý thức của con người [3, tr. 207-208].

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Barry D.Smith, Harold J.Vetter (2005), *Các học thuyết về nhân cách*, Nxb Văn hóa Thông tin (Nguyễn Kim Dân biên dịch).
- [2] Nguyễn Ngọc Bích (2000), *Tâm lý học nhân cách – Một số vấn đề lý luận*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [3] Bộ Giáo dục và Đào tạo (1999), *Giáo trình triết học Mác Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [4] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2004), *Giáo trình triết học Mác Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [5] Bộ Giáo dục và Đào tạo – Quỹ Dân Số Liên Hợp Quốc (2001), *Giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên*, Dự án VIE/97/P13.
- [6] Hoan Ca (1998), *Giáo dục giới tính trong quan hệ nam nữ*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- [7] Lê Văn Cương (chủ biên) Trương Như Vương, Trương Đức Thanh, Kim Huê (1999), *Tâm lý phạm tội và vấn đề chống tội phạm lứa tuổi vị thành niên*, Nxb Công an nhân, Hà Nội.
- [8] David Staffork Clark (1998), *Freud đã thực sự nói gì*, Nxb Thế giới, HN.
- [9] Debesse, Maurice (2000), *Những điều cần biết về tâm lý sinh lý tuổi thiếu niên*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội
- [10] Hoàng Đức Diễn (2003), *Chủ nghĩa Freud và biểu hiện của nó trong văn học tính dục miền nam Việt Nam trước 1975*.(Luận văn thạc sỹ)
- [11] Nguyễn Hữu Dũng (2001), *Giáo dục giới tính*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [12] Nguyễn Tiến Dũng (1998), “Tâm lý học của những miền sâu”, *Tạp chí nghiên cứu lý luận*, (số 4), Hà Nội.
- [13] Đào Xuân Dũng (1995), *Giáo dục giới tính*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.

- [14] Bùi Đăng Duy và Nguyễn Tiến Dũng (1999), *Lịch sử triết học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [15] Bùi Đăng Duy, Nguyễn Tiến Dũng (2003), *Lược khảo triết học phương Tây hiện đại*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [16] Bùi Đăng Duy và Nguyễn Tiến Dũng (2005), *Lịch sử triết học phương Tây hiện đại*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- [17] Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb Sự thật, Hà Nội. 23-15
- [18] Lưu Phóng Đồng (1994), *Triết học phương Tây hiện đại*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [19] Trương Thị Khánh Hà (2002), “Một số vấn đề về sự phát triển tâm lý – tính dục của thanh niên dưới góc nhìn tâm lý học hoạt động”, *Tạp chí tâm lý*, (số 2), Hà Nội.
- [20] Nguyễn Hào Hải (2001), *Một số học thuyết triết học phương Tây hiện đại*, Nxb Văn hoá Thông tin, Hà Nội.
- [21] Phạm Minh Hạc (1999), *Giáo dục Việt Nam trước ngưỡng của thế kỷ 21*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [22] Phạm Minh Hạc (2000), *Một số vấn đề nghiên cứu nhân cách*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [23] Nguyễn Thị Bích Hằng (2005), *Chủ Nghĩa Freud - Lịch sử và sự biểu hiện ở Việt Nam* (Luận văn thạc sỹ).
- [24] Henry Miller (1969), *Thế giới tình dục*, Nxb Ca Dao, Sài Gòn.
- [25] Vũ Gia Hiền (2006), *Triết học từ góc độ biện chứng duy vật*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
- [26] Đoàn Đức Hiếu (2003), *Sự phát triển của cá nhân trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

- [27] Lưu Văn Hy (2003), *Nhập môn lịch sử tâm lý học*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
- [28] J.P.Chanier (1972), *Phân tâm học*, Nxb tuổi trẻ Sài Gòn.
- [29] Vũ Khiêu, Phong Hiền, Bùi Đăng Duy (1986), *Triết học tư bản phương Tây hôm nay*, Nxb Thông tin lý luận, Hà Nội.
- [30] Phạm Minh Lăng (1984), *Mấy trào lưu triết học phương Tây*, Nxb đại học và trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.
- [31] Phạm Minh Lăng (1999), “Vài nét về Freud và phân tâm học”, *Tạp chí triết học* (số 5), Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia Hà Nội.
- [32] Phạm Minh Lăng (2001), *Những chủ đề cơ bản của triết học phương Tây hiện đại*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội
- [33] Phạm Minh Lăng (2004), *S.Freud và phân tâm học*, Nxb Văn hóa thông tin, HN.
- [34] Nguyễn Văn Lê, Nguyễn Thị Đoan (1997), *Giáo dục giới tính*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.
- [35] Đỗ Long (1995), *Hồ Chí Minh – Những vấn đề tâm lý học nhân cách*, Viện tâm lý học, HN.
- [36] Đỗ Long (1999), *Yếu tố sinh học và yếu tố xã hội trong sự phát triển tâm lý người*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [37] Vũ Đình Lưu (1968), *Hành trình vào Phân tâm học*, Nxb Hoàng Đông Phương, Sài Gòn.
- [38] Phan Trọng Ngọc (2003), *Các lý thuyết phát triển tâm lý người*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [39] Thụ Nhân (1969), *Phân tâm học về tình yêu*, Nxb Nhị Nùng, Sài Gòn
- [40] Thụ Nhân (1970), *S.Freud về tính dục*, Nxb Nhị Nùng, Sài Gòn
- [41] Nhiều tác giả (2007), *Tình dục dưới góc độ văn hóa*, Nxb Phụ nữ, HN

- [42] Bùi Ngọc Oánh (2008), *Tâm lý học giới tính và Giáo dục giới tính*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [43] Nguyễn Ngọc Phú (2006), *Lịch sử tâm lý học*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [44] Schultz DP (1996), *Lịch sử tâm lý học hiện đại*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [45] Schwartz Peper (2006), *Mười cuộc nói chuyện: các bậc phụ huynh phải nói với con trẻ về giới tính và tính cách*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
- [46] S. Freud (2000), *Vật tổ và cảm ký*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.
- [47] S. Freud (2002), *Phân tâm học nhập môn*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.
- [48] S. Freud (2002), *Bệnh lý học thần kinh về sinh hoạt đời thường*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
- [49] S. Freud, Carl Jung (2002), Đoàn Văn Chúc, Trí Hải dịch, *Phân tâm học và văn hóa tâm linh*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
- [50] S. Freud (2005), *Luận bàn về văn minh*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
- [51] Huỳnh Sơn (2001), “Nhận thức và thái độ của học sinh PTTH đối với một số nội dung giáo dục giới tính”, *Tạp chí tâm lý* (số 5), Hà Nội.
- [52] Stephem Wilson (2002), *Sigmund Freud. Lịch sử phát triển phân tâm học thiên tài*, Nxb Trẻ, Hà Nội.
- [53] Ngụy Hữu Tâm (2002), “Những băn khoăn cho phân tâm học Freud cổ điển”, *Tạp chí tâm lý* (số 7), Hà Nội.
- [54] Ngụy Hữu Tâm (2001), “Sigmund Freud và học thuyết phân tâm học”, *Tạp chí Tâm lý học*, (số 6), Hà Nội.
- [55] Chiến Thắng (2000), *Hành trang tuổi trẻ*, Nxb Thanh niên, Hà Nội

- [56] Nguyễn Văn Thêm (2001), “Vài nét sơ lược về phá hệ 1thế kỷ phân tâm học”, *Tạp chí tâm lý* (số 5), Hà Nội.
- [57] Nguyễn Thành Thông (1994), *Giáo dục giới tính cho thanh niên dành cho các bậc cha mẹ*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [58] Đỗ Lai Thúy (2000), *Phân tâm học và văn hóa nghệ thuật*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
- [59] Đỗ Lai Thúy (2002), *Phân tâm học và văn hóa tâm linh*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
- [60] Đỗ Lai Thúy (2003), *Phân tâm học và văn hóa tình yêu*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
- [61] Trần Thanh Thùy (2004), *Vấn đề nhân sinh quan trong phân tâm học và việc giáo dục nhân cách cho vị thành niên Thừa Thiên Huế hiện nay*. (Luận văn thạc sỹ).
- [62] Từ điển triết học (1986), Nxb Tiến bộ, Matxcova.
- [63] Nguyễn Khắc Viện (2001), *Từ điển tâm lý*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
- [64] Đặng Xuân Xuyên (1998). *Giới tính và giáo dục giới tính*, Nxb Y học, Hà Nội.

